

22-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng⁽¹⁾. Trong 3 năm (1977-1979), tỉnh đã điều động gần 1.000 cán bộ tăng cường cho cơ sở ở nông thôn, góp phần củng cố cơ sở Đảng; nhiều chi bộ, đảng bộ từ yếu kém vươn lên khá. Năm 1979, số cơ sở Đảng loại khá chiếm 63,8%, trung bình 22,2% và loại chậm chuyển biến còn 14%. Năm 1980, qua phân loại tổ chức cơ sở Đảng ở huyện Lý Nhân có 81% được công nhận loại khá; một số Đảng bộ như Đạo Lý, Chân Lý, Nhân Mỹ được nhận cờ Đảng bộ vững mạnh. Huyện Duy Tiên có 6 đảng bộ xã và 25 đảng bộ, chi bộ cơ quan đạt trong sạch, vững mạnh (chiếm 12,5%), 10 đảng bộ xã và 27 đảng bộ, chi bộ cơ quan đạt khá (50%), còn 3 đảng bộ xã và 2 chi bộ cơ quan yếu kém; Đảng bộ huyện được tặng cờ Đảng bộ vững mạnh. Nội dung sinh hoạt Đảng được cải tiến, nâng cao chất lượng và đảm bảo đúng định kỳ. Cùng với tăng cường củng cố tổ chức cơ sở Đảng, Tỉnh uỷ cũng thường xuyên quan tâm củng cố các ban xây dựng Đảng như: Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên huấn, Khoa giáo, Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Văn phòng Tỉnh uỷ. Ngày 10-6-1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 08-NQ/TU về kiện toàn Ban Kinh tế và Ban Nông nghiệp của Tỉnh uỷ. Năm 1979, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định thành lập Ban Tài chính - Quản trị⁽²⁾ và Ban 79 trực thuộc Tỉnh uỷ⁽³⁾. Báo *Hà Nam Ninh*

(1). Về nâng cao chất lượng đảng viên, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

(2). Quyết định số 860-QĐ/TU, ngày 10-5-1979.

(3). Quyết định số 2.139-QĐ/TU, ngày 30-10-1979 - Ban tham mưu về đấu tranh chống ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng (gọi tắt là Ban 79). Ban 79 gồm 19 đồng chí, do đồng chí Trần Văn Soạn, Phó Bí thư Tỉnh uỷ làm Trưởng ban.

- Cơ quan ngôn luận của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh được quan tâm chỉ đạo, đã bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh với chất lượng nghiệp vụ được nâng cao một bước.

Công tác phát triển đảng viên được quan tâm, coi trọng chất lượng. Từ năm (1976-1979), toàn Đảng bộ kết nạp 3.044 đảng viên⁽¹⁾. Trong đó, Đảng bộ huyện Kim Thanh, 2 năm 1978-1979 kết nạp 125 đảng viên; Đảng bộ Duy Tiên, 3 năm 1976-1978 kết nạp 96 đảng viên; Đảng bộ Lý Nhân từ năm (1975-1981) kết nạp 261 đảng viên; Đảng bộ Bình Lục số đảng viên mới kết nạp chiếm 3,3% tổng số đảng viên. Trong số đảng viên mới, lực lượng đoàn viên, thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, công nhân và cán bộ khoa học kỹ thuật chiếm tỷ lệ cao.

Nhiệm vụ kiểm tra kỷ luật Đảng được chỉ đạo chặt chẽ. Ngày 12-12-1977, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 09-NQ/TU về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW, ngày 26-10-1971 và thi hành Thông tri số 22-TT/TW, ngày 5-9-1977 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên. Chỉ trong 3 năm (1977- 1979), toàn Đảng bộ xử lý kỷ luật 5.442 đảng viên (bằng 5,32% tổng số đảng viên), trong đó khai trừ ra khỏi Đảng 2.269 người.

STT	Đảng bộ các huyện	Đảng viên đã xử lý trên tổng số phải xử lý (%)	Số đảng viên còn phải xử lý (người)
1	Duy Tiên	91,0%	37
2	Bình Lục	65,2%	130
3	Kim Thanh	61,0%	196
4	Lý Nhân	58,7%	100

(1). Năm 1976 kết nạp 599 đảng viên, trong 3 năm (1977-1979) kết nạp 2.445 đảng viên.

Qua công tác kiểm tra kỷ luật Đảng, chất lượng đảng viên được nâng lên một bước. Phân loại đảng viên năm 1979, có 82,8% đủ tư cách, còn 17,2% đảng viên phải xem xét. Thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW, ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về việc phát triển đảng viên*, năm 1980 qua 4 đợt xét duyệt, toàn tỉnh có 72,2% tổng số đảng viên được nhận thẻ Đảng.

Từ năm 1976 đến 1980, công tác xây dựng Đảng tuy có tiến bộ, song cũng bộc lộ những khuyết điểm, hạn chế. Đó là trình độ nhận thức và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên chưa theo kịp yêu cầu của tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Phương pháp công tác và lối làm việc của một số cấp uỷ và cơ quan tham mưu giúp việc chậm được cải tiến. Chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa cao; tình trạng Đảng bộ yếu kém còn nhiều, chưa tích cực giải quyết triệt để. Công tác phát triển đảng viên mới chưa thực sự chú trọng, có đảng bộ, chi bộ nhiều năm liền không phát triển đảng viên, cá biệt như Đảng bộ xã Duy Minh, huyện Duy Tiên 10 năm không kết nạp đảng viên.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ xây dựng, củng cố chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng được Đảng bộ quan tâm, chú trọng lãnh đạo. Nhằm nâng cao hiệu lực của bộ máy chính quyền trong việc điều hành, quản lý kinh tế - văn hoá, quản lý xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ các cuộc bầu cử Hội đồng nhân

dân các cấp. Qua hai kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (ngày 15-5-1977 và ngày 20-5-1979), toàn tỉnh có trên 99% cử tri đi bầu; hầu hết số đại biểu do Mặt trận Tổ quốc giới thiệu đều trúng cử với số phiếu bầu cao. Ủy ban nhân dân và các ban, ngành thuộc chính quyền được kiện toàn, củng cố; chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt được nâng lên. Thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 24-1-1978 của Bộ Chính trị *Về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện* và Nghị quyết số 33-CP, ngày 04-02-1978 của Hội đồng Chính phủ *Về bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực quản lý kinh tế*, bộ máy cấp huyện được củng cố, giảm bớt đầu mối, trực tiếp đảm nhiệm thêm công tác quản lý trạm trại, cửa hàng, công ty... và hệ thống trường phổ thông cấp III do tỉnh phân cấp. Chế độ làm việc, nền nếp sinh hoạt, hội họp của các cấp, các ngành từng bước có tiến bộ trong việc tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm; sửa đổi và giảm bớt các thủ tục, khắc phục tình trạng gây phiền hà cho nhân dân.

Công tác vận động quần chúng được tăng cường. Quán triệt ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng tại Hội nghị Dân vận - Mặt trận toàn miền Bắc (họp đầu tháng 4-1976), ngày 10-11-1976 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 13-NQ/TU *Về công tác Dân vận và Mặt trận trong giai đoạn mới*. Nghị quyết của Ban Thường vụ nêu rõ tình hình phong trào quần chúng và công tác Dân vận - Mặt trận từ năm 1965 đến năm 1976; đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác Dân vận - Mặt trận trong giai đoạn mới,

với 2 nhiệm vụ cấp bách: Kiện toàn tổ chức, cải tiến công tác, cải tiến nội dung sinh hoạt; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Dân vận và Mặt trận. Đồng thời nêu rõ 8 nhiệm vụ cụ thể của công tác vận động quần chúng. Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 10-11-1976 và Chỉ thị số 19-CT/TU, ngày 14-4-1978 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Mặt trận Tổ quốc từ tỉnh xuống cơ sở được củng cố; Mặt trận Tổ quốc tỉnh chỉ đạo tiến hành thành lập các tổ mặt trận theo địa bàn dân cư. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp tập trung vào việc tuyên truyền, giáo dục hội viên, đoàn viên thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh công tác vận động phụ lão, vận động đồng bào các tôn giáo, động viên các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tăng cường đoàn kết, tích cực sản xuất và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới, bài trừ hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan; đồng thời đóng góp tích cực vào công tác xây dựng chính quyền các cấp.

Thông qua phong trào thi đua lao động sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, các tổ chức đoàn thể quần chúng tiếp tục được củng cố và phát huy vai trò nòng cốt trong các hoạt động sản xuất và đời sống xã hội. Phong trào công nhân và hoạt động của tổ chức Công đoàn có tiến bộ. Cùng với sự phát triển của đội ngũ giai cấp công nhân trong tỉnh, tổ chức Công đoàn tiếp tục được củng cố, mở rộng, hoàn thành việc thành lập Công đoàn ở các huyện. Hoạt động của Công đoàn các cấp đã tích cực tuyên truyền, giáo dục,

vận động công nhân, viên chức tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, giám sát công việc của Nhà nước và phát động phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, tham gia sản xuất tự túc, cải thiện đời sống, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khắc phục hậu quả thiên tai và chăm sóc quyền lợi của đoàn viên.

Với phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể”⁽¹⁾, tuổi trẻ toàn tỉnh tiến quân mạnh mẽ vào mặt trận khoa học - kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng kinh tế. Phong trào xuất hiện những điển hình mới của thanh niên như xây dựng cánh đồng thâm canh 10 tấn/ha, chăn nuôi tập thể trong nông nghiệp; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm nguyên vật liệu... trong công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Chỉ riêng năm 1978, toàn tỉnh có 1.374 sáng kiến và 30 đề tài khoa học do thanh niên đảm nhận, làm lợi cho Nhà nước hàng triệu đồng. Phong trào xây dựng tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa ở các trường phổ thông, chuyên nghiệp và dạy nghề được mở rộng và phát triển. Trước diễn biến phức tạp ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc Tổ quốc, thanh niên toàn tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất, hăng hái nhập ngũ, sẵn sàng ra mặt trận chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Từ các phong trào thi đua, tổ chức Đoàn không ngừng phát triển vững

(1). Tháng 1-1978, Hội nghị lần thứ 25 Ban Chấp hành Trung ương Đoàn (khoá III) phát động phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể” với 3 nhiệm vụ chính: Lao động sản xuất; sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc; học tập, rèn luyện và xây dựng cuộc sống mới.

manh. Trong 3 năm (1977-1979), toàn tỉnh kết nạp 34.000 đoàn viên mới, chiếm 42% tổng số thanh niên trong tỉnh. Đồng thời, tổ chức Đoàn các cấp đã tổ chức bồi dưỡng và giới thiệu 22.000 đoàn viên ưu tú để Đảng xem xét và bồi dưỡng kết nạp.

Công tác phụ trách Đội và hoạt động thiếu niên, nhi đồng được đẩy mạnh. Ủy ban thiếu niên, nhi đồng các cấp được kiện toàn và tích cực hoạt động. Với chủ đề “Ngàn hoa việc tốt, dâng Đảng quang vinh”, thiếu niên, nhi đồng toàn tỉnh đã tích cực học tập, rèn luyện đạo đức, phấn đấu theo lý tưởng cộng sản, hăng hái giúp đỡ cha mẹ tham gia sản xuất, thực hiện phong trào “kế hoạch nhỏ” góp phần của mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ ngày 10 đến 14-6-1977, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ nhất, đề ra phương hướng, nhiệm vụ của các cấp hội và phong trào phụ nữ những năm tiếp theo. Sau đại hội, tổ chức Hội các cấp được củng cố, kiện toàn. Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ của các cấp hội được đẩy mạnh. Phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽¹⁾ với khẩu hiệu: “Giỏi việc nước, đảm việc nhà, phấn đấu thực hiện nam nữ bình đẳng”... thu hút hàng chục vạn hội viên hăng hái tham gia đem lại hiệu quả trong lao động sản xuất, công tác, thực hành tiết kiệm, thực hiện chính sách hậu phương quân đội, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình bình đẳng, hoà thuận,

(1). Tháng 3-1978, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phát động phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng Tổ quốc”, khi chiến tranh biên giới phía Bắc xảy ra, Trung ương Hội quyết định chuyển phong trào này thành “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

tiến bộ và sinh đẻ có kế hoạch; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của phụ nữ trong xã hội, góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - văn hoá, xã hội của tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 209-CT/TW, ngày 18-9-1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về tổ chức Đại hội Đại biểu Nông dân tập thể các cấp*, từ ngày 15 đến 19-10-1976, Hội đồng Nông dân cấp tỉnh tổ chức Đại hội Đại biểu Nông dân tập thể toàn tỉnh lần thứ nhất, đề ra nhiệm vụ của Hội thời gian tiếp theo. Tuy mới thành lập nhưng hoạt động của Hội đồng Nông dân các cấp góp phần vào công tác tuyên truyền, giáo dục nông dân tập thể nâng cao giác ngộ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, thực hiện nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng, Điều lệ Hợp tác xã, nhất là cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp; vận động nông dân hưởng ứng các phong trào thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm và xây dựng tổ chức Hội. Ngày 27-9-1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 78-CT/TW *Về tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam*, qui định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức và hệ thống tổ chức gồm 4 cấp, lấy xã làm đơn vị cơ sở. Thực hiện các Chỉ thị của Ban Bí thư, ngày 28-3-1980 Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 06-CT/TU, chỉ đạo Hội đồng Nông dân tập thể tỉnh có kế hoạch hướng dẫn việc thành lập Hội Liên hiệp Nông dân tập thể các cấp trong tỉnh⁽¹⁾.

(1). Ngày 30-4-1980, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Quyết nghị số 206-QN/TU, đổi tên Hội Nông dân tập thể thành Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh. Trước tháng 9-1979, Ban Chấp hành Hội Nông dân tập thể là Hội đồng Nông dân tập thể (xem thêm lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân Việt Nam (1930 - 1995), Nxb CTQG, Hà Nội, 1998).

Bên cạnh thành tích đạt được, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong tỉnh chưa thực sự quan tâm đúng mức, chưa phát huy tốt chức năng của chính quyền trong việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tình trạng bao biện làm thay công việc của chính quyền còn xảy ra ở nhiều nơi. Đồng thời, chưa tạo điều kiện cho các đoàn thể quần chúng tham gia quản lý Nhà nước, kiểm tra công việc của chính quyền một cách có hiệu quả thiết thực. Đội ngũ lãnh đạo các tổ chức đoàn thể chưa được tăng cường và phương thức công tác của các đoàn thể quần chúng chưa được cải tiến theo yêu cầu mới. Hoạt động của các đoàn thể còn mang nặng tính chất hành chính, chưa thực sự phát huy chức năng giáo dục, động viên và tổ chức quần chúng hành động cách mạng theo yêu cầu của Đảng và của từng đoàn thể.

Trải qua 5 năm (1976- 1980), Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh bước vào thời kỳ mới trong điều kiện cả nước có nhiều khó khăn, thử thách do hậu quả chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, cùng với hậu quả của thời tiết khắc nghiệt gây ra. Cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh đã cố gắng phấn đấu vượt qua những khó khăn, thử thách mới của địch họa và thiên tai, luôn luôn vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết, nhất trí, phát huy truyền thống cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, tạo ra những chuyển biến tiến bộ trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - văn hoá, xã hội, quốc phòng - an

ninh... Trong phát triển kinh tế, vấn đề lương thực - thực phẩm được đặt lên hàng đầu và là công tác trọng tâm. Nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Đảng bộ đã lãnh đạo cuộc vận động tổ chức lại sản xuất gắn với việc mở rộng quy mô hợp tác xã, xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Qua các cuộc vận động, phong trào cách mạng chung trong tỉnh có bước chuyển biến tích cực hơn. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được giữ vững; văn hoá- xã hội có tiến bộ; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể quần chúng các cấp được tăng cường, củng cố một bước.

Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn chung của đất nước và của tỉnh, mặc dù cán bộ, đảng viên và nhân dân đã có nhiều cố gắng, nhưng kinh tế trong tỉnh phát triển còn chậm, nổi bật là thiếu lương thực, thiếu vật tư, nguyên liệu, hàng hoá phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

Những thành tựu và ưu điểm, những khuyết điểm và hạn chế trong 5 năm (1976- 1980) là cơ sở để Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh tiếp tục phát huy thành tích, khắc phục yếu kém, quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - văn hoá, xã hội 5 năm (1981-1985).

CHƯƠNG XI

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TỪNG BƯỚC CHUYỂN ĐỔI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ (1981-1985)

I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC AN NINH - QUỐC PHÒNG, CHUYỂN DẪN SANG CƠ CHẾ MỚI

Cuối những năm 70 của thế kỷ XX, đất nước ta có nhiều biến động lớn, phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Bên cạnh những khó khăn vốn có của nền kinh tế lạc hậu thì những biểu hiện của suy thoái kinh tế và lạm phát ngày càng bộc lộ rõ nét, thiên tai liên tiếp xảy ra, đời sống nhân dân sa sút.

Trong bối cảnh đó, Trung ương Đảng và Chính phủ tiến hành một số điều chỉnh trong công tác quản lý kinh tế. Tháng 12-1980, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) quyết định mở rộng việc thực hiện và hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Ngày 13-01-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW *Về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao*

động trong hợp tác xã nông nghiệp⁽¹⁾. Trên cơ sở 3 mục đích và 5 nguyên tắc khoán, Ban Bí thư yêu cầu cải tiến mạnh mẽ các hình thức khoán của đội sản xuất đối với xã viên, mở rộng khoán sản phẩm nhằm khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất, tăng năng suất lao động, sử dụng tốt đất đai và các cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tăng tích lũy của hợp tác xã, làm tròn nghĩa vụ và tăng khối lượng nông sản cung ứng cho Nhà nước.

Sự ra đời của Chỉ thị 100 đã tạo ra một động lực mới trong sản xuất nông nghiệp. Chưa có hình thức kinh tế nào khi xuất hiện lại được nhiều người bàn luận sôi nổi và được mở rộng nhanh chóng, biến thành một phong trào quần chúng sâu rộng, thu hút hàng triệu nông dân, không những đem lại hiệu quả kinh tế lớn mà còn mở ra triển vọng tốt đẹp cho việc cải tiến quản lý nông nghiệp như hình thức khoán sản phẩm đến người lao động.

Trên lĩnh vực công nghiệp, ngày 21-01-1981, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định 25-CP Về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh. Theo Quyết định 25-CP, xí nghiệp quốc doanh ngoài

(1). Khoán sản phẩm là hình thức quản lý và trả công lao động gắn trách nhiệm, quyền lợi của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp. Nó thể hiện ở mức khoán cho người lao động một diện tích nhất định, xã viên thường làm 3 khâu: cấy, chăm sóc, thu hoạch, còn hợp tác xã làm 5 khâu. Nếu vượt khoán thì xã viên được hưởng.

phân kế hoạch sản xuất và giao nộp sản phẩm theo giá Nhà nước, tương ứng với số lượng vật tư được Nhà nước cung ứng theo giá thấp, còn được mua thêm vật tư trên thị trường tự do, tự tiêu thụ sản phẩm làm ra từ nguồn vật tư này theo giá kinh doanh; xí nghiệp còn được tổ chức tự sản xuất, tự tiêu thụ một số sản phẩm phụ không thuộc danh mục sản phẩm chính quy định trong nhiệm vụ của xí nghiệp và được hưởng thụ toàn bộ lợi nhuận thu được từ việc sản xuất, kinh doanh số sản phẩm phụ này.

Ngày 21-01-1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định 26-CP Về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị kinh doanh của Nhà nước. Theo đó thu nhập của công nhân viên chức trong xí nghiệp có thể được tăng thêm do việc bổ sung tiền thưởng trích từ quỹ lương hoặc từ lợi nhuận xí nghiệp.

Các Quyết định 25, 26-CP của Chính phủ có ý nghĩa quan trọng giúp các cơ sở giải quyết khó khăn, thúc đẩy người lao động hăng hái sản xuất, tiết kiệm chi phí, tăng năng suất, tăng thu nhập.

Cũng như cả nước, thực trạng kinh tế - xã hội trên địa bàn Hà Nam và toàn tỉnh Hà Nam Ninh cuối những năm 70 còn nhiều khó khăn, bức xúc đòi hỏi phải nhanh chóng giải quyết.

Từ ngày 12 đến 16-01-1981, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa II) họp quán triệt các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 và 9, Nghị quyết số 32-NQ/TW,

ngày 20-01-1980 của Bộ Chính trị Về công tác tổ chức; thảo luận, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 1980; ra nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ năm 1981 và xác định chủ trương về cải tiến công tác khoán trong các hợp tác xã nông nghiệp.

Về chủ trương cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp, Hội nghị nêu rõ: Việc cải tiến công tác khoán phải gắn liền với chấn chỉnh tổ chức, cải tiến các mặt công tác quản lý hợp tác xã một cách toàn diện. Phải lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, khắc phục cả hai khuynh hướng không đúng trong công tác khoán: Một là bảo thủ, ngại khó; hai là giản đơn nóng vội, tùy tiện, chưa chuẩn bị, chưa có kế hoạch đã làm ồ ạt và phải kiên quyết kịp thời phòng ngừa, uốn nắn, khắc phục “khoán trắng” dưới mọi hình thức. Trên cơ sở nắm vững và thực hiện nghiêm túc mục đích, nguyên tắc và phương hướng cải tiến công tác khoán như Nghị quyết Trung ương 9 và Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương đã nêu, cần hoàn chỉnh hơn nữa chế độ “3 khoán” của hợp tác xã cho các đội sản xuất: khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm, khoán sản phẩm. Đồng thời, cải tiến mạnh mẽ các hình thức khoán của đội sản xuất đối với xã viên, bao gồm “khoán việc” và “khoán sản phẩm”. Phải quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất, các cơ sở vật chất - kỹ thuật của tập thể, không được vì “khoán sản phẩm” mà để lãng phí, hư hỏng làm suy yếu kinh tế tập thể.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh

(khoá II), đến tháng 4-1981, có 82,4% hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh thực hiện khoán sản phẩm, nhiều hợp tác xã giao ruộng khoán cố định cho xã viên. Với khí thế mới, người lao động đã hăng hái sản xuất, tận dụng đất đai và sử dụng đất đai có hiệu quả hơn, khai thác được khả năng của mỗi gia đình về tiền vốn, phân bón, bảo đảm đúng thời vụ, tranh thủ được thời tiết thuận lợi, mở rộng diện tích các giống mới có năng suất cao, tích cực và chủ động phòng trừ sâu bệnh, đẩy mạnh thâm canh trên diện tích nhận khoán.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) và Chỉ thị số 81-CT/TW, ngày 10-11-1979 Về nhiệm vụ đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, toàn tỉnh đã tập trung triển khai tích cực vào những lĩnh vực dễ xảy ra tiêu cực. Song, nhìn chung kết quả còn rất hạn chế, các hiện tượng tiêu cực vẫn còn diễn ra phổ biến. Các vụ việc khi đã phát hiện thì việc xác minh, kết luận, xử lý còn quá chậm. Từ thực tế trên, ngày 12-9-1981, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 20-NQ/TU quyết định các chủ trương, biện pháp tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động đấu tranh chống tiêu cực.

Năm 1981, mặc dù tỉnh Hà Nam Ninh có sự điều chỉnh địa giới hành chính theo Quyết định số 151/CP của Chính phủ⁽¹⁾, song do thực hiện tốt Chỉ thị 100 của Ban Bí thư,

(1). Ngày 9-4-1981. Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 151-CP Về điều chỉnh địa giới một số huyện và thị trấn thuộc tỉnh Hà Nam Ninh, trong đó huyện Kim Thanh chia tách trở lại các huyện Thanh Liêm, huyện Kim Bảng và thị trấn Hà Nam, chuyển thị trấn Hà Nam thành thị xã thuộc tỉnh.

sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện cả về diện tích gieo trồng và năng suất: So với năm 1980, tổng diện tích gieo trồng của cả tỉnh Hà Nam Ninh tăng 12% (đạt 375.460 ha); năng suất tăng 19,64% đạt bình quân 49,96 tạ/ha; tổng sản lượng lương thực tăng 31,7% (đạt 797.100 tấn), riêng sản lượng thóc tăng 40% (đạt 679.000 tấn).

Năm 1982 là năm thứ hai thực hiện kế hoạch 5 năm (1981-1985). Quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 1982, nhân dân trong tỉnh nỗ lực phấn đấu, giành được những thắng lợi mới trên các mặt hoạt động, nhất là sản xuất nông nghiệp. Do vậy, đã đạt năng suất sản lượng lúa và tổng sản lượng lương thực cao nhất so với trước đó.

Tổng diện tích gieo trồng tuy chỉ đạt 361.293 ha (bằng 96,2% so với năm 1981), nhưng năng suất lúa cả năm đạt bình quân 58 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 93,42 vạn tấn (84,26 vạn tấn thóc và 9,16 vạn tấn màu quy thóc), tăng 17,66% so với năm 1981. Đưa bình quân lương thực đầu người từ 293 kg năm 1981, lên 341 kg năm 1982. Diện tích, năng suất, sản lượng các cây công nghiệp tăng khá, đạt 15.121 ha, tăng 12,5% so với năm 1981. Sản lượng lạc, mía, cói, thuốc lá, đỗ tương... đều cao hơn năm trước. Phong trào trồng dâu nuôi tằm bắt đầu được phát động. Chăn nuôi được phục hồi. Tính đến ngày 01-10-1982, so với cùng kỳ năm 1981, tổng đàn lợn tăng 3,7% (có 677.115 con); đàn bò tăng 29,1% (có 22.685 con).

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương và Chỉ thị số 113-CT/TW, ngày 14-7-1981 của Ban Bí thư về tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp và cử đại biểu đi dự Đại hội lần thứ V của Đảng, từ ngày 8 đến ngày 16-01-1982, Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh tổ chức Đại hội Đại biểu lần thứ III (vòng 1). Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến vào các dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội V và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng gồm 46 đại biểu chính thức và 5 đại biểu dự khuyết.

Sau Đại hội lần thứ V của Đảng, từ ngày 25 đến 29-3-1983, tại thành phố Nam Định, diễn ra Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2). Dự Đại hội có 507 đại biểu, đại diện cho trên 11 vạn đảng viên và 2,8 triệu nhân dân trong toàn tỉnh. Đại hội dân chủ thảo luận và đánh giá tình hình các mặt nhiệm kỳ từ (1979-1982). Đại hội khẳng định, trong 4 năm (1979-1982), mặc dù đất nước có nhiều biến động lớn, song toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh Hà Nam Ninh đã phấn đấu kiên trì, gian khổ, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và đã giành được một số thắng lợi trên các lĩnh vực kinh tế - văn hoá, bảo đảm đời sống, giữ vững an ninh chính trị, góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên mặt trận kinh tế, nhiều huyện, ngành nhất là cơ sở trong tỉnh đã có những cố gắng phấn đấu lớn để duy trì và đẩy mạnh sản xuất, phân phối lưu thông. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tiếp tục được củng cố, cơ sở vật chất kỹ thuật được

tăng cường. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá... được duy trì và có mặt phát triển, đời sống nhân dân cơ bản giữ được ổn định. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội và đấu tranh chống tiêu cực có nhiều cố gắng.

Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh còn gặp những khó khăn nghiêm trọng; nhiều chỉ tiêu kế hoạch 5 năm và 2 năm 1980-1981 đạt thấp, có chỉ tiêu đạt rất thấp, phong trào phát triển chưa mạnh, chưa đồng đều, chưa vững chắc và có những mặt sút kém so với trước⁽¹⁾.

Đại hội thẳng thắn chỉ rõ nguyên nhân của tình trạng trên một phần do khách quan nhưng về chủ quan có nhiều khuyết điểm sai lầm, duy ý chí, nhất là trong lãnh đạo và chỉ đạo quản lý kinh tế - xã hội.

Quán triệt thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V đề ra, Đại hội đề ra phương hướng, yêu cầu và mục tiêu của Đảng bộ và nhân dân Hà Nam Ninh trong những năm tới.

Về phương hướng: Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, lấy cách mạng khoa học kỹ thuật làm then chốt; tăng cường đoàn kết giữa

(1). Sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lúa từ năm 1977 đến năm 1980 liên tục giảm. So với bình quân 5 năm trước tuy có tăng được 22.000 tấn màu, nhưng sản lượng lúa lại giảm đi 25.000 tấn nên tổng sản lượng lương thực quy thóc vẫn còn giảm 3.000 tấn. Sản lượng nhiều loại cây công nghiệp cũng giảm và đạt thấp so với chỉ tiêu Đại hội đề ra cho năm 1981; dân lộn tập thể chỉ đạt 21,5% so với chỉ tiêu Đại hội...

Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tận dụng khai thác mọi nguồn lực lao động, đất đai, rừng, biển, ngành nghề, tiếp tục xây dựng kinh tế và phát triển văn hoá theo hướng tập trung sức đưa nông nghiệp một bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, từng bước xây dựng cơ cấu hợp lý nông - công nghiệp từ cơ sở, trên địa bàn huyện và hình thành cơ cấu công - nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tăng cường quản lý kinh tế, cải tiến phân phối lưu thông, kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lý hành chính quan liêu, bao cấp, thực sự chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phấn đấu tạo thế cân đối mới, nhất là cân đối tài chính, tiền - hàng, bảo đảm kinh tế địa phương phát triển mạnh mẽ, vững chắc. Thường xuyên đề cao cảnh giác, tăng cường lực lượng quốc phòng - an ninh, kiên quyết đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và sẵn sàng chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân trong tỉnh, làm trọn mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước và nghĩa vụ quốc tế được Trung ương giao, góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Về yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1981-1985) của tỉnh là: Kết hợp phát triển một bước, tiến hành tổ chức sắp xếp lại các ngành kinh tế theo phương hướng, cơ cấu và bước đi đúng; tập trung trước hết vào mặt trận

sản xuất nông nghiệp, bảo đảm giải quyết bằng được vấn đề lương thực - thực phẩm trên lãnh thổ, tăng nhanh các nguồn nguyên liệu tại chỗ nhất là từ nông nghiệp để đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và xuất, nhập khẩu.

Mở rộng phân công lao động tại chỗ gắn với phân bố mật độ dân cư; đẩy mạnh cuộc vận động đưa nhân dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới và kiên quyết giảm tỷ lệ phát triển dân số đến mức hợp lý.

Kết hợp việc xây dựng và sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất kỹ thuật với củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất, với tăng cường và cải tiến quản lý kinh tế, khắc phục cho được các mặt mắt cân đối hiện nay, phấn đấu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và thực hành tiết kiệm bảo đảm sản xuất đủ tiêu dùng và có phần tích lũy.

Kiên quyết đấu tranh đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế - văn hoá, xoá bỏ những tệ nạn cũ, những tàn dư văn hoá thực dân mới, đẩy mạnh xây dựng con người mới, gia đình văn hoá mới.

Củng cố các lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng công an trong sạch, vững mạnh; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và sẵn sàng chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống.

Nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo nhất là lãnh đạo kinh tế của Đảng bộ, củng cố, phát huy tốt vai trò của chính quyền và các đoàn thể, trọng tâm là kiện toàn cấp huyện gắn với củng cố cơ sở; có được phong trào cách mạng quần chúng sôi nổi thi đua đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm.

Phải đảm bảo 4 mục tiêu: Đẩy mạnh sản xuất, đáp ứng cho được những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất, bảo đảm ổn định và tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất - văn hoá của nhân dân trong tỉnh, trước hết là lương thực - thực phẩm, giải quyết tốt hơn những nhu cầu về mặc, học tập, chữa bệnh, về ở và đi lại.

Tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực, trước hết là trong nông nghiệp.

Đáp ứng các nhu cầu phòng thủ đất nước, bảo đảm kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh, trật tự.

Nghị quyết Đại hội nêu rõ một số nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu để đạt được 4 mục tiêu đề ra. Đó là, Đảng bộ phải lãnh đạo tập trung sức của toàn tỉnh tạo cho sản xuất nông nghiệp thực sự có bước phát triển mạnh mẽ, vững chắc, lấy sản xuất lương thực, thực phẩm là trọng tâm, đồng thời tăng nhanh cây công nghiệp và nông sản xuất khẩu. Đến năm 1985, bình quân hàng năm toàn tỉnh đạt từ 80 - 82 vạn tấn lương thực, năm cao nhất đạt từ 85 - 87 vạn tấn, trong đó có 13 - 25 vạn tấn màu quy thóc.

Tăng cường chỉ đạo công nghiệp địa phương, từng bước tạo sự liên kết giữa công nghiệp với nông nghiệp nhằm đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, bảo đảm cung cấp những tư liệu sản xuất cần thiết cho nông nghiệp và

các ngành kinh tế khác. Phấn đấu đến năm 1985, giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương đạt từ 340 đến 350 triệu đồng.

Đẩy mạnh xuất khẩu để tự cân đối một phần nhu cầu nhập khẩu. Phấn đấu đến năm 1985 toàn tỉnh đạt từ 100-120 triệu đồng xuất khẩu.

Thiết lập trật tự mới trong lĩnh vực phân phối lưu thông, bảo đảm phục vụ tốt sản xuất và đời sống.

Cải tiến công tác đầu tư, thực hiện tốt phương châm kết hợp nhà nước, tập thể và nhân dân cùng làm để tiếp tục đẩy mạnh xây dựng cơ bản, tăng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống.

Tăng cường chỉ đạo vấn đề lao động. Phấn đấu trong 5 năm đưa được 22 vạn nhân khẩu, trong đó có 11 vạn lao động chủ yếu đi vào các tỉnh phía Nam. Về dân số, phấn đấu giảm tỷ lệ phát triển dân số toàn tỉnh xuống còn 1,5% vào năm 1985.

Đẩy mạnh công tác khoa học - kỹ thuật và đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ kinh tế kỹ thuật.

Tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế, thể thao, thông tin báo chí... đáp ứng yêu cầu sản xuất, xây dựng con người mới, đời sống mới.

Tăng cường quốc phòng, an ninh và kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực.

Củng cố chính quyền nhân dân, tăng cường công tác quần chúng.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh khoá III gồm 47 đồng chí, trong đó có 43 đồng chí là Ủy viên chính thức, 4 đồng chí là Ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Văn An được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Năm 1983, là năm bản lề của kế hoạch 5 năm (1981-1985), là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III. Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khoá V), về những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế và xã hội trước mắt, ngày 16-9-1983, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 07-NQ/TU chỉ đạo các cấp, các ngành, toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh phải tập trung giải quyết tốt các vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức.

Nghị quyết nêu rõ: Trên mặt trận kinh tế, phải thấu suốt nội dung công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, tiếp tục đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo và xây dựng, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, tập trung sức phát triển sản xuất, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, kết hợp chặt chẽ công nghiệp và nông nghiệp từ cơ sở đến huyện và tỉnh.

Về văn hoá, xã hội: Chú trọng giáo dục, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao trình độ văn hoá, khoa học - kỹ thuật, làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin giữ vị trí thống trị trong xã hội.

Về an ninh quốc phòng: Phải thực hiện triệt để Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị. Kết hợp chặt chẽ cuộc đấu tranh chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch với cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, chống các hiện tượng tiêu cực trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Mặc dù tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh còn nhiều khó khăn, nhiều loại vật tư nông nghiệp do Nhà nước cung cấp đạt thấp và giảm so với những năm trước, lại bị cơn bão số 6 và áp thấp nhiệt đới gây ngập úng trên diện rộng, song Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã nêu cao tinh thần tự lực, chủ động, sáng tạo, phát huy những thắng lợi và kinh nghiệm của những năm trước, nên sản xuất nông nghiệp tiếp tục vượt kế hoạch về năng suất và sản lượng. Diện tích lúa cả năm là 289.029 ha, đạt 100,7% kế hoạch, năng suất lúa đạt 58,5 tạ/ha, đạt 105,8% kế hoạch; tổng sản lượng lương thực đạt 90,62 vạn tấn, đạt 102,5% kế hoạch⁽¹⁾. Một số cây nông sản xuất khẩu đều tăng khá so với năm 1982. Về chăn nuôi, tổng đàn lợn không tăng so với năm 1982.

Sau 3 năm thực hiện khoán sản phẩm theo tinh thần Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tính tích cực, tự giác, sáng tạo, tinh thần làm chủ của người lao động đã được phát huy mạnh mẽ. Trong tỉnh đã tận dụng khả năng lao động, vật tư... và sử dụng ruộng đất ngày càng tốt hơn, sản xuất phát triển vững chắc hơn. Khoán sản phẩm đã thực sự tạo ra

(1). So với năm 1982: Diện tích lúa bằng 99,5%; năng suất lúa bằng 101,9%, tổng sản lượng lương thực bằng 95%.

một phong trào lao động sản xuất, thâm canh vượt khoán ngày càng sâu rộng trên phạm vi toàn tỉnh. Năng suất, sản lượng lúa những năm (1981-1983) liên tục tăng. Năng suất bình quân 3 năm đạt 50,5 tạ/ha. Số hợp tác xã đạt 5 tấn trở lên ngày càng nhiều. Điển hình là các hợp tác xã: Trung Lương, huyện Bình Lục; Nội Chiêu, Bắc Sơn, Đông Nghi, Thanh Phong, huyện Thanh Liêm; Nguyễn Uý, Nhật Tựu, Đông Hoá, Đại Cường, Nhật Tân, Văn Xá, Tượng Lĩnh, Thụy Lôi, huyện Kim Bảng; Tân Lý, Đạo Lý, Nhân Nghĩa, Nhân Phú, Mai Công, huyện Lý Nhân; Liêm Chính, Thanh Châu, thị xã Hà Nam. Cá biệt có hợp tác xã đạt từ 8 đến 9 tấn/ha/năm. Năm 1982- 1983, trên địa bàn toàn tỉnh đã tự cân đối được lương thực. Một bộ phận nông dân có lương thực dự trữ. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp phát triển chưa toàn diện, chưa đồng đều và chưa vững chắc. Công tác quản lý của hợp tác xã nhìn chung còn yếu và bị buông lỏng, còn nhiều lúng túng, có mặt, có nơi còn rất yếu và nghiêm trọng. Vai trò điều hành của ban quản trị và đội sản xuất nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu, dẫn đến khoán trắng nhiều khâu trong quá trình sản xuất.

Phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những thiếu sót của công tác khoán, thực hiện Nghị quyết số 154/HĐBT, ngày 14-12-1983 của Hội đồng Bộ trưởng *Về hoàn chỉnh công tác khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp và tập đoàn sản xuất*, ngày 25-6-1984, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá III) ra Nghị quyết số 17-NQ/TU Về tăng cường công tác quản lý, hoàn chỉnh khoán

sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp. Sau khi đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế, thiếu sót, Nghị quyết chỉ rõ nguyên nhân chính của những hạn chế là do nhận thức chưa đầy đủ dẫn đến bảo thủ, trì trệ, hữu khuynh, buông lỏng trong công tác quản lý. Công tác tổ chức chỉ đạo chưa tốt, thiếu chặt chẽ, cụ thể. Nhiều chế độ, chính sách chậm thay đổi phù hợp với cơ chế mới. Đội ngũ cán bộ, quản lý từ tỉnh đến cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu mới.

Trên cơ sở quán triệt tinh thần các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, của Hội đồng Bộ trưởng, kết hợp với thực tiễn tại địa phương, Nghị quyết yêu cầu các cấp uỷ, các ban, ngành, đoàn thể các cấp tiến hành kiểm điểm nghiêm túc, thấy rõ trách nhiệm của mình, có kế hoạch, biện pháp, khắc phục khuyết điểm, hạn chế; tập trung lãnh đạo trong hai năm 1984-1985 khôi phục, tăng cường toàn diện công tác quản lý, hoàn chỉnh khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp... tạo điều kiện cho những năm tới, đưa nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Nghị quyết của Tỉnh uỷ chỉ rõ cần tập trung giải quyết tốt những nội dung chủ yếu là: các hợp tác xã cần bổ sung và hoàn thiện phương hướng sản xuất trên cơ sở quy mô ổn định hiện thời; cần mở rộng liên kết kinh tế với các tổ chức kinh tế trong và ngoài huyện; kết hợp chặt chẽ giữa hợp tác xã nông nghiệp với hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng, giữa kinh tế tập thể với kinh tế gia đình để hỗ trợ nhau trong sản

xuất kinh doanh. Nâng cao chất lượng công tác kế hoạch trong hợp tác xã. Bảo đảm quyền tự chủ, tính chủ động sáng tạo của hợp tác xã trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch. Chấn chỉnh và thật sự tăng cường công tác hạch toán trong các hợp tác xã. Hoàn thiện một bước phân phối thu nhập trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, kết hợp hài hòa 3 lợi ích, chú ý lợi ích của tập thể để đảm bảo tái sản xuất mở rộng. Hoàn chỉnh công tác khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp theo đúng tinh thần Chỉ thị 100 của Ban Bí thư và Nghị quyết số 154/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, áp dụng mạnh mẽ tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

Kinh tế gia đình có vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, cần được khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ phát triển góp phần khai thác tốt mọi tiềm năng, thế mạnh các vùng, các địa phương trong tỉnh. Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 08-12-1984, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 20-NQ/TU Về khuyến khích, hướng dẫn phát triển kinh tế gia đình, Nghị quyết nêu rõ các cấp, các ngành cần nắm vững tư tưởng chỉ đạo: khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ kinh tế gia đình phát triển, phục vụ, bổ sung cho kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể; khai thác triệt để và đồng thời 3 thành phần kinh tế để tăng nhanh sản phẩm xã hội. Lấy kinh tế quốc doanh làm chủ đạo, củng cố và phát triển kinh tế tập thể, đồng thời khuyến khích và hướng dẫn kinh tế gia đình cùng phát triển.

Tăng cường chỉ đạo cụ thể, thiết thực đối với kinh tế gia đình. Thông qua chính sách và hợp đồng kinh tế hai chiều để khuyến khích, hướng dẫn, thúc đẩy sản xuất. Thành phần kinh tế nào làm hiệu quả nhất thì giao cho thành phần kinh tế đó làm. Nhà nước cố gắng nắm giữ hàng hoá thông qua các tổ chức thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Hội nông dân tập thể các cấp tăng cường công tác hướng dẫn tuyên truyền. Chủ trương phát triển kinh tế gia đình của Đảng được nhân dân đón nhận. Vùng cây ăn quả huyện Lý Nhân dần chuyển sang sản xuất hàng hoá, huyện Kim Bảng phát triển mạnh diện tích nuôi cá, chăn nuôi bò và trồng mơ ở vùng đồi núi.

Quán triệt Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 25-6-1984, Về tăng cường công tác quản lý, hoàn chỉnh khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp, các huyện đã tiến hành quy hoạch lại đất đai, cơ cấu cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh công tác thủy lợi, tu sửa, nâng cấp các hệ thống đê điều; áp dụng khoa học - kỹ thuật trong chăn nuôi, trồng trọt, thực hiện khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động; củng cố, tăng cường sự quản lý điều hành của hợp tác xã... Do đó, công tác quản lý của hợp tác xã bước đầu có những chuyển biến mới theo tinh thần Nghị quyết số 17-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Tình trạng khoán trắng được khắc phục dần. Quỹ của hợp tác xã và việc mở rộng hợp tác, liên kết kinh tế được tăng lên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở được chú ý hơn. Tuy nhiên, thực hiện nghị quyết là một quá trình, nên năm 1984, việc củng

cố quan hệ sản xuất trong nông nghiệp kết quả đạt được còn hạn chế, mặt khác thiên tai liên tiếp xảy ra, nguồn cung cấp vật tư không đủ⁽¹⁾, đã ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Trong 3 năm (1982-1984), sản lượng lương thực giảm liên tục (năm 1982: 93,4 vạn tấn; năm 1983: 90,6 vạn tấn; năm 1984: 89,3 vạn tấn). Tuy nhiên, sản lượng cây công nghiệp, cây xuất khẩu phát triển với tốc độ khá, diện tích tăng 7,4%. Đàn gia súc, gia cầm tăng hơn so với năm 1983: Đàn lợn tăng 4,4%; đàn bò tăng 2,9%.

Năm 1985, năm cuối thực hiện kế hoạch 5 năm (1981-1985), thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III. Quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981-1985), ngày 28-01-1985, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 9 họp ra Nghị quyết số 21-NQ/TU Về nhiệm vụ chương trình công tác năm 1985. Nghị quyết xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1985 là: tập trung cao cho mặt trận hàng đầu là sản xuất nông nghiệp, phấn đấu đạt 940 ngàn tấn lương thực quy thóc, trong đó ít nhất là 60 ngàn tấn màu quy thóc; tăng thêm diện tích cây công nghiệp, phấn đấu đạt 18.000 ha. Phát triển chăn nuôi toàn diện cả ở gia đình, tập thể, cả lợn, trâu, bò, gia cầm, cá, tôm, phấn đấu đàn lợn đạt 72 vạn con.

(1). Tính cho cả tỉnh Hà Nam Ninh, so với năm 1983, thuốc trừ sâu: 82%; phân Ka li: 40,3%.

Tạo bước chuyển mới trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bảo đảm đạt giá trị sản lượng 1,9 tỷ đồng. Chú trọng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Gắn chặt công nghiệp với nông nghiệp trên từng địa bàn.

Xây dựng, giao thông, vận tải, bưu điện cần tập trung xây dựng các công trình trọng điểm. Phấn đấu thực hiện 190 triệu đồng vốn đầu tư, tăng 10% năng suất lao động và tiết kiệm 5% chi phí xây dựng.

Tập trung làm tốt việc phân phối lưu thông, nắm hàng, tiền, tăng nhanh vòng quay của tiền, hàng, mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán, tín dụng. Thực hiện việc Nhà nước độc quyền kinh doanh vật tư chiến lược, thống nhất quản lý lương thực và hàng tiêu dùng thiết yếu, kiên quyết chống đầu cơ, buôn lậu.

Xuất nhập khẩu phải được tăng cường. Tối thiểu phải xuất được 12 triệu rúp - đô la, tập trung vào các mặt hàng chủ lực như đay, cói, tôm đông lạnh. Tích cực phát triển xuất khẩu khoai tây, tỏi, hàng thủ công mỹ nghệ...

Về văn hoá, xã hội, chuẩn bị tham gia hội diễn và Đại hội thể dục, thể thao toàn quốc.

Ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân, đồng thời tăng thêm tích lũy, bảo đảm lương thực cho các đối tượng trong mọi thời gian, nhất là những tháng giáp hạt.

Công tác an ninh, quốc phòng phải luôn giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hoàn thành tốt công tác quân sự địa phương, góp phần cùng cả nước đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

Xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tập trung vào xây dựng và nâng cao chất lượng của cơ sở, nâng cao chất lượng đội ngũ cốt cán. Phát huy hiệu lực chính quyền các cấp, đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa. Quan tâm củng cố và phát huy vai trò của các cơ quan đoàn thể quần chúng.

Do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, từ ngày 10 đến 13-9-1985, trên toàn tỉnh có mưa lớn, đập bao Biều Thượng, huyện Ý Yên bị vỡ, gây ngập lụt trên diện rộng làm thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, của cải. Trên 65% diện tích lúa của tỉnh Hà Nam Ninh bị ngập úng nặng, trong đó có 45 ngàn ha bị ngập trắng. Ruộng đồng của 60 xã, trên 40 ngàn hộ với gần 30 vạn dân bị ngập lụt. Nhiều kho tàng, bệnh viện, trường học, các công trình công cộng bị hư hại. Nhiều tuyến đường giao thông, kể cả Quốc lộ 1 đoạn qua địa bàn tỉnh cũng bị gián đoạn.

Nhằm khẩn trương khắc phục hậu quả lũ lụt, giải quyết khó khăn về đời sống nhân dân, chủ động và tích cực khôi phục, đẩy mạnh sản xuất, tăng cường trật tự an ninh, ngày 19-9-1985, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 28-NQ/TU, yêu cầu các cấp, các ngành, các đoàn thể, cán bộ, đảng viên, thanh niên, các lực lượng vũ trang và nhân dân toàn tỉnh hãy vững vàng, với tinh thần cách mạng tiến công, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, vừa khẩn trương khắc phục hậu quả lũ lụt, giải quyết đời sống nhân dân, vừa chủ động và tích cực khôi phục, đẩy mạnh sản xuất; vừa chú ý giải quyết toàn diện, vừa

tập trung cao vào các trọng tâm, trọng điểm mà cấp bách nhất là giải quyết kịp thời đời sống nhân dân vùng ngập lụt. Bảo vệ đê, kè, cống và tăng cường trật tự an ninh nhằm sớm ổn định tình hình và đưa mọi mặt hoạt động trong tỉnh tiếp tục tiến lên.

Sau đợt áp thấp gây nhiều thiệt hại, nhân dân toàn tỉnh quyết tâm khắc phục, đầu tư sản xuất vụ đông, nhưng cơn bão số 9 (21/10/1985) và đợt mưa ngày 29 - 30/10/1985 làm chậm tiến độ, làm hàng nghìn ha rau màu đã trồng bị ngập, 80% bị hỏng.

Hậu quả của thiên tai, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả sản xuất nông nghiệp. Tổng diện tích gieo trồng năm 1985 đạt 144.000 ha, nhưng chỉ thu hoạch được 94.511 ha. Tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 808.000 tấn (giảm 85.000 tấn so với năm 1984)⁽¹⁾. Diện tích cây công nghiệp vẫn tiếp tục tăng khá, đạt 16.755 ha, đạt 109,6% so với năm 1984, nhưng năng suất bị giảm sút.

Về chăn nuôi có biến động: Đàn bò tăng 7,3% (39.762 con); đàn lợn giảm còn 639.000 con; đàn trâu giảm chỉ còn 66.151 con, đạt 92,5% so với cùng kỳ năm 1984. Nuôi trồng, khai thác thủy sản bước đầu được tổ chức lại, nhưng chuyển biến chậm. Phong trào nuôi cá nước ngọt còn yếu. Chăn nuôi gà công nghiệp đã bắt đầu phát triển ở khu vực kinh tế quốc doanh và tập thể, mở ra hướng đi mới cho ngành chăn nuôi.

(1). Sản lượng lúa mùa còn thu hoạch là 200.000 tấn, mất mùa do lũ lụt từ 130 đến 150 ngàn tấn.

Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981-1985), trong bối cảnh kinh tế mất cân đối nhiều mặt, thiên tai liên tiếp xảy ra, có khi rất ác liệt, gây thiệt hại nghiêm trọng cả về người và của, song Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh đã phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, nỗ lực phấn đấu vươn lên, đạt được những thắng lợi quan trọng. Đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ sản xuất lương thực và thực phẩm, cung cấp nguyên vật liệu cho công nghiệp và tăng nhanh hàng hoá xuất khẩu. Một số chỉ tiêu hoàn thành vượt mức. Đời sống nông dân được cải thiện. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tiếp tục củng cố, hoàn thiện. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Về sản xuất nông nghiệp: Sản xuất lúa đi lên ở thể tương đối ổn định. Đã hình thành vùng thâm canh năng suất cao. Vùng chiêm trũng được cải tạo và vùng bán sơn địa đã xuất hiện những điển hình thâm canh tốt. Nhiều hợp tác xã đạt và vượt 5 tấn thóc/ha. So với giai đoạn (1976-1980), giai đoạn (1981-1985) sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt 122,8% (867.729 tấn, trong đó sản lượng thóc là 789.438 tấn). Năng suất lúa cả năm từ 43 tạ/ha lên 55 tạ/ha. Bình quân lương thực đầu người từ 276,5 kg lên 317,4 kg/năm. Nhiều huyện có tốc độ tăng nhanh về năng suất lúa. Huyện Duy Tiên, nơi đồng chiêm mới cải tạo đã đưa năng suất lúa bình quân 40 tạ/ha lên 66 tạ/ha (năm 1983). Hợp tác xã Châu Giang, Mộc Nam, huyện Duy Tiên là hội viên Câu lạc bộ 10 tấn của cả nước.

Trên cơ sở thâm canh, tăng năng suất lúa, từng bước giải quyết vấn đề lương thực, nhiều nơi đã chuyển một số

Năm 1985, chăn nuôi ở hộ gia đình xã viên huyện Lý Nhân: đàn lợn nái có 4.405 con, đạt 114,8% kế hoạch, bình quân trọng lượng lợn xuất chuồng tăng từ 42 kg năm 1982, lên 58,7 kg năm 1985. Sản lượng thịt lợn hơi bình quân đạt 17.000 tấn, bằng 128,9% so với bình quân 3 năm (1982-1984). Tuy nhiên, kinh tế hộ gia đình vẫn chưa phát triển đúng mức và chưa có sự hướng dẫn cụ thể, sát hợp với điều kiện từng nơi, từng gia đình. Ngành nghề thủ công kém phát triển.

Xác định thuỷ lợi là biện pháp hàng đầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ lãnh đạo đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, đảm bảo tưới tiêu ổn định cho 144.000 ha, phục vụ thâm canh tăng vụ, tăng diện tích nhất là vùng cao sản, cây công nghiệp. Nhiều xã, hợp tác xã đi trước một bước trong xây dựng hạ tầng thuỷ lợi, xây dựng trạm bơm điện chủ động tưới tiêu cho đồng ruộng, tăng tốc nhanh trong sản xuất. Ở Duy Tiên, năm 1985, 10/22 hợp tác xã nông nghiệp có trạm bơm điện, 6 xã có máy kéo và các phương tiện vận tải cơ giới. Huyện Thanh Liêm ngoài trạm bơm điện Nham Tràng với 45 máy, mỗi máy 1.000 m³/giờ, còn có hàng chục trạm bơm điện nhỏ và trạm bơm dã chiến. Huyện Kim Bảng, năm 1984 làm mới 3 trạm bơm Thụy Lôi, Khả Phong, Nhật Tân II, xây dựng 9 trạm bơm dã chiến. Huyện Lý Nhân hoàn thiện và đưa vào sử dụng 2 trạm bơm điện là Mạc Hạ, Hồng Lý.

Công tác xây dựng, củng cố, tu bổ đê, kè, cống để chủ động chống thiên tai, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản

của nhân dân cũng được tăng cường. Huyện Duy Tiên là một trong những huyện tiên phong trong công tác này. Năm 1985, huyện đã đào đắp 400.000 m³ đất, tạo ra các vùng lúa ăn chắc của vụ mùa.

Việc thực hiện tốt công tác thuỷ lợi, cùng với cơ chế khoán mới trong nông nghiệp là điều kiện thuận lợi, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

Sản xuất nông nghiệp của tỉnh trong những năm (1981-1985), có bước phát triển mới là tiền đề quan trọng để nhân dân Hà Nam Ninh, trong đó có Hà Nam thực hiện tốt các nghĩa vụ với Nhà nước. Những năm (1983-1985) so với các năm (1980-1982), giá trị vật tư, hàng hoá địa phương điều về Trung ương tăng 16,2%, huy động lương thực tăng 12%, trọng lượng lợn giao cho Trung ương tăng 36,3%. Huyện Kim Bảng năm 1981 giao nộp cho Nhà nước 4.496 tấn lương thực, năm 1983 tăng lên 7.500 tấn. Thanh Liêm trở thành huyện dẫn đầu tỉnh về hoàn thành nghĩa vụ lương thực với Nhà nước, được công nhận là huyện giỏi trong cả nước⁽¹⁾.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế. Đất đai chưa được khai thác, sử dụng đúng mức và quản lý chưa chặt chẽ. Một số nơi trong các huyện còn để hoang hoá. Độ đồng đều về thâm canh, tăng năng suất chưa tốt. Trong sản xuất lương thực, sản lượng lúa tăng nhưng màu giảm. Tỷ trọng màu trong những năm (1976-1980) là 11,3% đến những năm (1981-1985) giảm

(1). Theo báo Hà Nam Ninh, số 775, ngày 22/7/1983.

xuống còn 9,1%. Một số cây công nghiệp giảm sút cả về diện tích và năng suất, sản lượng như mía, dâu tằm. Chăn nuôi chưa phát triển toàn diện. Số lượng đàn trâu giảm sút, làm cho sức kéo rất căng thẳng. Năm 1984, đàn trâu trong tỉnh còn 71.495 con, giảm 2.170 con so với năm 1981. Ở thị xã Hà Nam, 1 con trâu phải kéo từ 1,8 ha - 2,8 ha/vụ. Một số công trình thuỷ lợi không được đầu tư tu bổ hoàn chỉnh, công suất sử dụng thấp. Từ tỉnh đến cơ sở chưa chú ý đúng mức việc chỉ đạo, tạo điều kiện để kinh tế gia đình phát triển.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về công tác phân bố lao động dân cư, xây dựng các vùng kinh tế mới, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III nêu rõ: “Tiếp tục mở rộng phân công lao động tại chỗ trong từng cơ sở, trên địa bàn huyện, kết hợp với phân bố lại mật độ dân cư; đẩy mạnh cuộc vận động nhân dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới, nhất là những nơi mật độ dân số quá đông”. Ngày 26-7-1983, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU Về công tác tổ chức đưa dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới trong và ngoài tỉnh. Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo chặt chẽ, sát sao, coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, động viên tinh thần yêu nước của cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt cuộc vận động và đã đạt được những kết quả quan trọng. Các cấp uỷ đảng và chính quyền đã thành lập Ban vận động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới. Ban vận động tham mưu chuẩn bị chu đáo các hàng hoá thiết yếu như chăn, màn, quần áo bán cho dân; cấp đủ lương thực 3

tháng đầu và xây dựng bộ khung cán bộ, thành lập chi bộ và các đoàn thể ngay khi đến nơi ở mới. Đi theo đoàn còn có cán bộ kỹ thuật, y sĩ, nữ hộ sinh, giáo viên các cấp, giúp nhân dân nhanh chóng ổn định cuộc sống. Trong 5 năm (1981-1985), toàn tỉnh Hà Nam Ninh đã chuyển được 2.136 hộ, 11.178 nhân khẩu, 4.253 lao động đi khai hoang, xây dựng các vùng kinh tế mới trong tỉnh. Chuyển 11.886 hộ, 66.129 khẩu và 30.970 lao động (tăng 10,3% về nhân khẩu, tăng 23% về lao động so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần III) đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở ngoài tỉnh, chủ yếu là các tỉnh Hoàng Liên Sơn, Hà Tuyên, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Minh Hải. Năm 1985, 6 huyện, thị xã khu vực Hà Nam đã đưa 536 hộ và 2.874 nhân khẩu đi xây dựng vùng kinh tế mới. Trên quê hương mới, trong những năm đầu còn nhiều khó khăn, song nhân dân đã phát huy truyền thống cần cù lao động sản xuất đã từng bước ổn định cuộc sống và phát triển.

Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ Hà Nam Ninh luôn chú trọng chỉ đạo phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Nắm vững tinh thần các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Quyết định 25/CP của Chính phủ, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa V), dù trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn về vật tư, năng lượng, nguyên liệu, về cơ chế, chính sách...⁽¹⁾ các xí nghiệp như Xí nghiệp Cơ khí Hà Nam, Nhà máy Cơ khí 63, Xí nghiệp Xilicat 422 và một số hợp tác xã như Quyết Tiến,

(1). Toàn tỉnh Hà Nam Ninh, năm 1985, vật tư, nguyên liệu, năng lượng.. chỉ đáp ứng được 60% yêu cầu.

Đại Đông, Tiến Hưng, Trường Thành, thị xã Hà Nam; hợp tác xã cơ khí Vạn Thắng, nước chấm Mỹ Tho, huyện Thanh Liêm; hợp tác xã dệt Nha Xá, mây, tre đan Thống Nhất, huyện Duy Tiên, bước đầu đã đổi mới cách nghĩ, cách làm, tăng cường công tác quản lý, chú trọng năng suất, chất lượng, tiết kiệm nguyên vật liệu, bảo đảm việc làm, duy trì sản xuất. Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bình quân 3 năm (1982-1985) (tính theo giá cố định năm 1982) đạt trên 2 tỷ đồng, tăng 5,6% so với 3 năm trước đó. Bước đầu tỉnh tổ chức sắp xếp lại sản xuất kinh doanh trong khu vực công nghiệp quốc doanh và tiểu thủ công nghiệp; đổi mới từng bước cơ chế quản lý thực hiện quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh. Tỷ trọng của bốn ngành mũi nhọn là cơ khí, dệt, sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến lương thực, thực phẩm tăng trong giá trị sản lượng toàn ngành, từ 80,6% năm 1982, lên 86,6% năm 1985. Ngành điện đã có nhiều cố gắng phục vụ sản xuất, đời sống, nhất là tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp, khắc phục hậu quả thiên tai hạn hán, lũ lụt. Các xí nghiệp công nghiệp và các cơ sở kinh tế của Trung ương tại địa phương đã ra sức khắc phục mọi khó khăn, tích cực phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh; tiến hành cải tiến quản lý, đầu tư theo chiều sâu để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả bảo đảm đời sống của cán bộ, công nhân. Đồng thời các xí nghiệp đã phối hợp với các đơn vị kinh tế địa phương trong việc tận dụng trang bị kỹ thuật và giải quyết vật tư, nguyên liệu, phế liệu, năng lượng, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế địa phương.

Tuy nhiên, việc tổ chức, sắp xếp lại công nghiệp chuyển biến chậm. Việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có nhiều lúng túng, chưa đi sâu nghiên cứu giải quyết cụ thể, nhất là về quyền chủ động của xí nghiệp trong sản xuất, kinh doanh. Chưa khai thác, phát huy mạnh mẽ tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ về quản lý kinh tế, trong các năm (1981-1985), Tỉnh uỷ luôn chỉ đạo việc ban hành và thực hiện nhiều Nghị quyết quan trọng như: Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 20-8-1984 Về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) Về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế; Nghị quyết số 32-NQ/TU, ngày 18-11-1985 Về một số vấn đề cấp bách xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong các hợp tác xã nông nghiệp... Trên cơ sở phương hướng hành động đã được đề ra, các cấp, các ngành trong tỉnh tiến hành sắp xếp và tổ chức lại sản xuất các đơn vị cơ sở. Trọng điểm chỉ đạo của tỉnh là tập trung soát xét, bổ sung quy hoạch, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp tiêu dùng; điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể của từng huyện, thành, thị; kết hợp với tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị sản xuất; phát triển mạnh các quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết kinh tế đa dạng. Công tác quản lý kinh tế trong các xí nghiệp quốc



Đại tướng Võ Nguyên Giáp (đứng giữa, mang quân phục) thăm phân xưởng sản xuất của Xí nghiệp Cơ khí Hà Nam, năm 1981

doanh có chuyển biến tiến bộ, đã đề cao tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, chủ động trong sản xuất kinh doanh, từng bước xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Một số hợp tác xã đã chủ động mở rộng liên kết, liên doanh để phát triển ngành nghề, tăng nguồn thu nhập cho cả tập thể và xã viên.

Bên cạnh những thành tích đạt được, công tác quản lý trong các xí nghiệp, hợp tác xã nhiều mặt bị buông lỏng, ý thức làm chủ tập thể chưa được đề cao, phát huy đúng mức. Công tác phân phối trong các hợp tác xã nông nghiệp còn nhiều hạn chế. Đất đai bị lấn chiếm, vật tư, tài sản bị thất thoát nhiều. Một số hợp tác xã nhiều khâu “khoán trắng” cho xã viên. Tình trạng kê đọng sản phẩm là phổ biến. Một số đơn vị kinh tế tập thể, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp chưa đảm bảo đúng tính chất của tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa, còn mang tính chất phường hội. Công tác quản lý ở các xí nghiệp quốc doanh bị buông lỏng, phát sinh nhiều tiêu cực trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hạch toán kinh tế...

Xây dựng cơ bản đã tập trung phần lớn kinh phí và lực lượng xây dựng những công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là việc hoàn chỉnh hệ thống thủy nông, hệ thống điện lưới cho trạm bơm và đầu tư xây dựng các trại, trạm nông nghiệp. Trong những năm (1981-1984), toàn tỉnh Hà Nam Ninh đã xây dựng 793 công trình, trong đó có 326 công trình xây dựng mới, 386 công trình đê, kè, cống. Tuy nhiên, trong xây dựng cơ bản đầu tư còn dàn trải, không đồng bộ và có phần chưa đúng hướng. Công

trình xây dựng dở dang còn nhiều. Năm 1985, triển khai 21 công trình, hoàn thiện được 10 công trình. Chưa tập trung cho việc xây dựng các công trình trọng điểm, trực tiếp phục vụ sản xuất, đổi mới thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm. Công tác quản lý vốn của các cấp, các ngành còn lỏng lẻo dẫn đến thất thoát. Chất lượng của nhiều công trình kém. Một số công trình văn hoá, giáo dục và phúc lợi chưa được đầu tư thoả đáng.

Trong tình trạng các tuyến đường xuống cấp nhanh, phương tiện cũ nát và hư hỏng, ngành giao thông vận tải đã tập trung vào việc vận chuyển những mặt hàng chủ yếu phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân trong tỉnh và khắc phục hậu quả lũ lụt. Năm 1985, cả tỉnh Hà Nam Ninh vận chuyển được tổng khối lượng hàng hoá là 1.466 triệu tấn, đạt 53,9% kế hoạch và 165,56 triệu tấn/km, đạt 90,8% kế hoạch. Vận chuyển hành khách đạt 98,5% kế hoạch về lượt người và 105,5% kế hoạch về lượt người/km. Năng lực phương tiện cơ giới thủy bộ trong khu vực quốc doanh huy động được 40-50% số phương tiện.

Các ngành cung ứng vật tư, bưu điện, điện lực đã có nhiều cố gắng phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, phục vụ chống bão lụt, quốc phòng, an ninh và đời sống sinh hoạt của nhân dân địa phương. Tuy nhiên, ngành bưu điện có lúc, có nơi tinh thần phục vụ chưa cao. Những hiện tượng tiêu cực trong ngành điện chưa được khắc phục. Quản lý và cung ứng vật tư còn nhiều tiêu cực, bộ máy quản lý nặng nề, qua nhiều khâu, nhiều cấp, chậm đổi mới về quản lý.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa III) Về tăng cường chỉ đạo, đẩy mạnh công tác xuất - nhập khẩu những năm (1983-1985), công tác xuất, nhập khẩu của tỉnh có bước phát triển, góp phần cân đối ngân sách, cung ứng những vật tư, hàng hoá bức thiết cho nông nghiệp, một phần cho công nghiệp và đời sống. Giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 1985 đạt 600 triệu đồng và bình quân 3 năm (1983-1985) đạt 506 triệu đồng. Các mặt hàng xuất khẩu từ nguyên liệu địa phương, chủ yếu là từ nông nghiệp tăng 81,7%. Các mặt hàng chủ lực xuất khẩu từ nông sản như cùi, lạc, đay... đã nâng từ 42% năm 1983, lên 75% năm 1985 trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Các mặt hàng như long nhãn, hạt sen, tinh dầu, hàng thêu ren, màn trúc... cũng được công ty ngoại thương thu mua phục vụ xuất khẩu. Công tác nhập khẩu có tiến bộ và cơ bản đúng hướng, hàng năm nhập về 1/3 lượng phân đạm sử dụng trong tỉnh, một phần phân lân, thuốc trừ sâu cho nông nghiệp, sắt, thép, xi măng, sợi nhựa PVC cho công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và một số hàng tiêu dùng cho đời sống. Tuy nhiên, so với tiềm năng phong phú của địa phương thì công tác xuất khẩu vẫn chưa được đẩy mạnh đúng mức. Kim ngạch xuất khẩu tuy tăng nhưng chưa thật vững chắc. Nhiều cơ chế, chính sách cho hoạt động xuất - nhập khẩu còn bất hợp lý. Công tác liên kết với các địa phương bạn để khai thác thêm nguồn hàng cho xuất khẩu chưa thật tích cực; phân phối, sử dụng hàng nhập chưa được quản lý chặt chẽ.

Trong 5 năm (1981-1985), phân phối lưu thông luôn là mặt trận nóng bỏng, diễn biến phức tạp. Tỉnh uỷ đã ban hành một số chỉ thị, nghị quyết quan trọng về lĩnh vực

này như: Chỉ thị số 34-CT/TU, năm 1981 Về tăng cường chỉ đạo một số công tác cấp bách tiếp tục thi hành Nghị quyết số 26-NQ/TW Về cải tiến công tác phân phối lưu thông; Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 11-11-1983, Về một số công tác cấp bách nhằm lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối - lưu thông, bảo đảm phục vụ tốt sản xuất và đời sống..., ngành thương nghiệp lưu thông phân phối đã tập trung thu mua, nắm nguồn hàng, huy động các nguồn vốn tài chính, tiền tệ trong tỉnh phục vụ yêu cầu sản xuất, đời sống. Công tác thu mua một số mặt hàng nông sản đạt khá. Trong 3 năm (1982- 1985), thu mua lạc củ tăng 153%, đay tăng 201%.

Cùng với cả nước, trong 2 năm 1981-1982, tỉnh Hà Nam Ninh tiến hành cải cách giá và lương lần thứ nhất, thực hiện tăng giá, tăng lương, chuyển đổi từ cơ chế một giá do Nhà nước quy định sang cơ chế hai giá đối với cả giá hàng tiêu dùng, giá bán vật tư và giá mua sản phẩm theo hợp đồng, giảm mặt hàng cung cấp theo tem phiếu, chuyển phần lớn giá cung cấp qua giá kinh doanh thương nghiệp⁽¹⁾. Do một phần trong hệ thống giá sát với thực tế

(1). Đợt điều chỉnh giá - lương - tiền lần thứ nhất:

- Đối với giá hàng tiêu dùng: Giữ lại 9-11 mặt hàng cung cấp theo định lượng tem phiếu và 6 mặt hàng cung cấp không định lượng theo giá cung cấp cho cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang.

Ngoài diện và mức cung cấp trên, mặt hàng khác bán theo giá kinh doanh (hai giá); đồng thời bù lương lên 2 lần cho các đối tượng hưởng cung cấp.

- Đối với giá bán vật tư và mua nông sản: Nâng giá vật tư, tư liệu sản xuất lên 5 - 7 hoặc 10 lần tùy loại và nâng ngay một lần vào quý I năm 1982, đồng thời đưa giá thu mua trong hợp đồng lên trên dưới 5 lần. Đối với sản phẩm mua ngoài hợp đồng áp dụng giá cao hơn, có thể gọi là giá thỏa thuận.

- Đối với tỷ giá: Nâng tỷ giá hối đoái từ 5,64 lên 17 đồng 1 rúp chuyển nhượng.

hơn, nên năm 1983 ngân sách địa phương đã đảm bảo, tổng thu đạt 99% kế hoạch, so với năm 1982 tăng 15,5%, đáp ứng được mức tối thiểu các yêu cầu chi thường xuyên cho hoạt động bình thường của bộ máy nhà nước địa phương.

Thực hiện điều chỉnh giá - lương - tiền lần thứ hai⁽¹⁾, ngày 21-6-1985, thị xã Hà Nam được Ban chỉ đạo giá - lương - tiền của tỉnh chọn làm đơn vị đi trước triển khai Nghị quyết giá - lương - tiền. Ngày 01-7-1985, Ủy ban nhân dân thị xã Hà Nam chính thức xoá bỏ chế độ bán hàng theo tem phiếu và giá cung cấp, thực hiện bù giá vào lương và bán hàng theo giá kinh doanh thương nghiệp. Trên cơ sở kết quả thực hiện ở thị xã Hà Nam, ngày 24-7-1985, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 686/QĐ-UB Về thực hiện bù giá vào lương và bù giá vào giá thành chi phí lưu thông trên địa bàn tỉnh. Từ ngày 01-8-1985, toàn tỉnh thực hiện Quyết định 686 và từ ngày 14-9 đến 18-9-1985, tổ chức phát hành tiền ngân hàng mới, thu đổi tiền ngân hàng cũ trên phạm vi toàn tỉnh.

(1). Đợt điều chỉnh giá - lương - tiền lần thứ hai: Thực hiện một giá kinh doanh, xoá bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại số gạo cho cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, đối tượng chính sách để bảo hiểm khi giá lương thực có đột biến. Tổng điều chỉnh toàn bộ hệ thống giá nhà nước chỉ đạo, lấy giá lúa thị trường tháng 8-1985 đưa toàn bộ mặt bằng giá chỉ đạo lên khoảng 10 lần trước tháng 10-1985. Trên cơ sở mức giá mới tính lại tiền lương theo mức tăng của giá. Đổi tiền (1 đồng = 10 đồng tiền cũ) với ý muốn làm tăng khả năng chi trả của ngân hàng lên 10 lần so với tiền hiện có để giải quyết yêu cầu tiền cho tăng lương, tăng giá. Thay đổi tỷ giá hối đoái 17 đồng thành 210 đồng một rúp chuyển nhượng.

Mặc dù có nhiều cố gắng, song công tác phân phối lưu thông, giá cả còn nhiều khuyết điểm. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa vươn lên làm chủ thị trường, có nơi bị thu hẹp. Doanh số bán lẻ năm 1982 của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chiếm 86,8% thị trường, đến năm 1985 còn 67%. Cùng với cả nước, tỉnh Hà Nam Ninh tổng điều chỉnh toàn diện giá-lương-tiền mức độ lớn (10 lần) trong một thời gian ngắn đã gây ra cú sốc lớn cho nền kinh tế, đời sống, tâm lý xã hội. Giá cả các mặt hàng tăng vọt, thị trường rối ren, lạm phát phi mã, ngân sách bội chi. Từ đầu năm đến ngày 01-10-1985, ngân sách địa phương chỉ thu được 86 triệu, đảm bảo yêu cầu chi tại địa phương là 58% đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân đặc biệt là cán bộ, công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

Song song với lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo phát triển giáo dục, y tế, văn hoá - xã hội và đối ngoại.

Sự nghiệp giáo dục được duy trì, có bước chuyển biến tích cực theo mục tiêu của Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 11-01-1979 của Bộ Chính trị Về cải cách giáo dục. Toàn tỉnh đã hoàn thành phổ cập văn hoá cấp II cho cán bộ chủ chốt xã. Phong trào thi đua “hai tốt” theo gương trường cấp II Bắc Lý⁽¹⁾ tiếp tục được phát huy ở các cấp học, ngành học và xuất hiện thêm những điển hình mới. Tỉnh đã coi

(1). Năm 1985, Trường cấp II Bắc Lý được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động (lần thứ nhất).

trọng triển khai cuộc vận động giáo dục đạo đức cách mạng trong nhà trường. Các hoạt động giáo dục lao động, giáo dục hướng nghiệp trong nhiều trường phổ thông trung học, đào tạo kết hợp với lao động sản xuất theo ngành nghề trong một số trường chuyên nghiệp có chuyển biến, nhà trường gắn bó chặt chẽ hơn với đời sống xã hội. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cô nuôi dạy trẻ, đội ngũ giáo viên theo hướng tiêu chuẩn hoá để đáp ứng yêu cầu cải cách giáo dục được quan tâm. Phong trào xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật các trường học được đẩy mạnh, theo phương châm “Nhà nước, nhân dân và thầy trò cùng xây dựng cơ sở vật chất”. Đến năm 1985, toàn bộ phòng học của ngành học mẫu giáo và phổ thông cơ sở ở các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng, Duy Tiên và thị xã Hà Nam được xây bằng gạch, lợp ngói. Huyện Bình Lục đã đưa vào sử dụng 6 nhà cao tầng cho trường phổ thông cơ sở. Công tác dạy nghề cho thanh niên; bổ túc tay nghề cho cán bộ, công nhân, nhân viên kỹ thuật và nghiệp vụ; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ đại học bằng hình thức tại chức được mở rộng.

Mặc dù tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh có nhiều khó khăn, song sự nghiệp y tế vẫn được duy trì, có mặt tiến bộ hơn trước. Cuộc vận động thực hiện phong trào “5 dứt điểm” về y tế được đẩy mạnh hơn. Hai huyện Duy Tiên và Bình Lục, nằm trong số 9 huyện đầu tiên của cả nước được Bộ Y tế công nhận hoàn thành “5 dứt điểm”. Trong 5 năm (1981-1985) không để dịch bệnh lớn xảy ra, kể cả những vùng ngập lụt nặng. Y học hiện đại với y học cổ

truyền dân tộc đã được kết hợp thực hiện trong công tác khám, chữa bệnh. Công tác thu mua, trồng và sản xuất thuốc có tiến bộ, nhất là tuyến huyện. Các dược liệu quý như hạt sen, long nhãn, bạch chỉ, tinh dầu bạc hà, hương nhu được chú ý trồng và khai thác phục vụ nhu cầu tại chỗ và tham gia xuất khẩu. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền trong tỉnh quan tâm lãnh đạo xây dựng cơ sở vật chất cho ngành y tế. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, các huyện Lý Nhân, Bình Lục, thị xã Hà Nam đã xây dựng được một số cơ sở khám chữa bệnh. Với những thành tích đã đạt được, 5 năm liền (1981-1985) ngành y tế tỉnh được nhận cờ Luân lưu của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Phong trào thể dục thể thao được duy trì và có một số chuyển biến tích cực. Các cơ quan, đơn vị trường học đã nhận thức được ý nghĩa thiết thực của rèn luyện thân thể nên tạo điều kiện về thời gian, vật chất cho hoạt động thể thao. Các môn thể thao như bóng chuyền, bóng đá thu hút sự tham gia của thanh thiếu niên. Nhiều đơn vị ở huyện Duy Tiên phấn đấu đạt danh hiệu tập thể bơi Yết Kiêu, tập thể chạy Quang Trung. Tỉnh đã đầu tư phát triển thể thao mũi nhọn, đào tạo huấn luyện viên và thành lập đội tuyển để tham gia thi đấu quốc gia.

Các hoạt động văn hoá, thông tin, văn học nghệ thuật, phát thanh, truyền hình, sáng tác, xuất bản, báo chí được quan tâm chỉ đạo, phát triển đúng hướng, có tiến bộ trong việc hướng về cơ sở, nhạy bén với cái mới, phục vụ các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Việc phát hiện, sưu tầm văn hoá Liễu Đồi, xuất bản cuốn sách *Những người cộng*

sản trên quê hương Hà Nam Ninh, "Tủ sách quê hương"... có tác dụng giáo dục, phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân trong tỉnh. Trong 2 năm 1984-1985, tỉnh Hà Nam Ninh được Bộ Văn hoá công nhận hoàn thành chỉ tiêu xây dựng đời sống văn hoá cơ sở.

Các cấp, các ngành, nhất là cấp huyện và cơ sở đã thường xuyên quan tâm và tích cực thực hiện các chính sách thương binh - xã hội, quan tâm chăm sóc các gia đình có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ, thương binh, cán bộ hưu trí và các đối tượng chính sách khác. Ưu tiên giải quyết việc làm, xây dựng, củng cố các cơ sở điều dưỡng và cơ sở sản xuất của thương binh. Nhiều nơi đã thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng "Người công dân kiểu mẫu", "Gia đình cách mạng gương mẫu" trong thương binh và gia đình liệt sĩ. Tạo điều kiện chăm sóc, giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ về đời sống vật chất, tinh thần, phấn đấu trở thành công dân kiểu mẫu và gia đình cách mạng gương mẫu. Điển hình là các xã Nhân Nghĩa, Đạo Lý, huyện Lý Nhân; Tiên Hải, Tiên Tân, huyện Duy Tiên; Mỹ Thuận, Mỹ Thọ, huyện Bình Lục; Liêm Cần, Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm; phường Lương Khánh Thiện, thị xã Hà Nam.

Tình hữu nghị và mối quan hệ kết nghĩa hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa tỉnh Hà Nam Ninh với tỉnh U-Đôm-Xay (Lào) và Atrakhan (Liên Xô) được củng cố, tăng cường và phát triển lên một bước mới. Mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào được thể hiện bằng tình đoàn kết và sự giúp đỡ chân thành giữa tỉnh Hà Nam Ninh với tỉnh U-Đôm-Xay ngày

càng phát triển toàn diện hơn, kể cả về chính trị, kinh tế, văn hoá và an ninh, quốc phòng. Trong các năm (1980-1985), tỉnh Hà Nam Ninh đã cử nhiều đoàn với hàng trăm cán bộ, công nhân, cùng nhiều thiết bị nguyên vật liệu sang trực tiếp hướng dẫn giúp bạn phát triển sản xuất như: củng cố, xây dựng các xí nghiệp sản xuất bánh kẹo, dệt, nhuộm, cơ khí, cửa xẻ và sản xuất gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng... Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tháng 9-1984, tỉnh Hà Nam Ninh đã cử một số tổ chuyên gia thường trú tại tỉnh U-Đôm-Xay gồm 15 cán bộ lãnh đạo các ngành nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, công an... do đồng chí Nguyễn Trung Kiểu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ làm Trưởng đoàn. Ngoài việc giúp đỡ sản xuất, tỉnh Hà Nam Ninh đã trực tiếp xây dựng tặng tỉnh U-đôm - xay một bệnh viện 50 giường bệnh, một hội trường chung của tỉnh, công trình thuỷ lợi Bản Thai, lập Công ty Thương nghiệp Hà-Uđôm để cung cấp hàng hoá trực tiếp kinh doanh tại thị xã Mường Xay...

Trong những năm (1982-1985), đất nước ta vừa có hoà bình vừa phải đương đầu với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Do đó, đi đôi với nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội, công tác an ninh - quốc phòng được tăng cường. Hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành nghị quyết về công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nghị quyết về công tác quân sự địa phương nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 25-10-1982 của Bộ Chính trị (khoá V) Về kiên quyết đấu tranh chống

chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, ngày 01-6-1983, Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh ban hành Nghị quyết số 03 -NQ/TU Về việc thực hiện Nghị quyết số 03 của Bộ Chính trị.

Về nhiệm vụ và mục tiêu, Nghị quyết nêu rõ: Năm vững và thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng, trong thời gian tới, việc thực hiện Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị phải gắn chặt trong mọi hoạt động của từng ngành, từng cơ sở, từng người, nhằm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, xây dựng Hà Nam Ninh vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng - an ninh, đẹp về văn hoá và nếp sống.

Về tư tưởng chỉ đạo, Nghị quyết chỉ rõ: Sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, toàn diện của cấp uỷ Đảng, nhất là sự lãnh đạo trực tiếp của đảng bộ, chi bộ cơ sở là sự đảm bảo cơ bản để làm thất bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản, hiệu lực quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, lấy sức mạnh của quần chúng làm cơ sở, lấy lực lượng công an, quân đội, dân quân, tự vệ là lực lượng xung kích, nòng cốt hỗ trợ đắc lực cho cuộc đấu tranh.

Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng kinh tế với bảo vệ kinh tế; kết hợp giữa chính trị, tư tưởng với củng cố tổ chức, gắn đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch với đấu tranh chống tiêu cực trong quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, nhất là trong quản lý kinh tế.

Tích cực xây dựng lực lượng vững mạnh, chủ động phòng ngừa, chủ động tiến công các thế lực thù địch, tập trung vào các địa bàn trọng điểm, các khâu trọng tâm. Chủ động phối hợp đấu tranh trên tất cả các địa bàn trong tỉnh, với cả nước, hình thành thế trận liên hoàn có tầm nhìn chiến lược, góp phần phối hợp chặt chẽ thế chiến lược ba nước Đông Dương là một chiến trường.

Từ năm (1982-1985), việc thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 128-HĐBT, ngày 2-8-1982 của Hội đồng Bộ trưởng Về bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và giữ gìn trật tự trị an xã hội và các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương, của Tỉnh uỷ trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn, đời sống xã hội có nhiều diễn biến phức tạp. Các cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp, các ban, ngành, đoàn thể, nhất là lực lượng công an nhân dân phối hợp chặt chẽ, dựa vào quần chúng, tổ chức phát động quần chúng đẩy mạnh đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bước đầu tạo được những chuyển biến tích cực, góp phần đấu tranh làm thất bại nhiều âm mưu và hoạt động của bọn gián điệp, phản động, ngăn chặn nhiều luận điệu hoạt động chiến tranh tâm lý, nhiều vụ âm mưu trốn ra nước ngoài; trấn áp kịp thời bọn phản cách mạng ngoan cố chống đối⁽¹⁾. Thông

(1). Trong năm (1983-1985), trên cơ sở quần chúng được phát động, toàn tỉnh Hà Nam Ninh đã củng cố được trên 3.000 tổ an ninh nhân dân, 362 tổ thanh niên xung kích an ninh đưa vào hoạt động với nội dung thiết thực. Ngành công an đã chỉ đạo thống nhất lực lượng công an xã với lực lượng bảo vệ hợp tác xã thành một lực lượng và tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho 7.000 công an viên mới.

qua phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, nhiều địa bàn xung yếu về chính trị, nhiều tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội đã được các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo củng cố, xoá dần những mặt yếu. Trong 5 năm (1980-1985), cùng với các mặt công tác phòng ngừa, ngành công an đã tập trung mở 243 đợt tấn công truy quét tội phạm trên các địa bàn trọng điểm. Trong các vụ đã khám phá thì đối tượng gây án ở độ tuổi vị thành niên, thiếu niên chiếm 80-88%, số cán bộ, công nhân viên thoái hoá, biến chất cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể. Tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng trên lĩnh vực an ninh, trật tự, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa ngày càng được phát huy. Tình hình xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa giảm: năm 1983 giảm 10,2% so với năm 1982; năm 1985 giảm 43,3% so với năm 1984. Công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội đã thu được nhiều kết quả tốt. Tình hình tai nạn giao thông, tai nạn cháy, tai nạn vũ khí hàng năm giảm. Hoạt động bói toán, lễ hội trái phép được giải quyết tích cực.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhận thức của cấp uỷ đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể chưa đầy đủ, sâu sắc về âm mưu và vị trí chiến lược của nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, do đó còn hữu khuynh, mất cảnh giác, xây dựng lực lượng chưa mạnh, nắm tình hình chưa chắc, phối hợp giữa các lực lượng chưa tốt. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành chưa thực sự sát với tinh thần chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ

địch. Trong chỉ đạo thiếu tập trung, đồng bộ; chưa quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của mỗi cấp, mỗi ngành, địa phương, cơ sở. Lề lối làm việc chưa khoa học; phương tiện, điều kiện làm việc còn thiếu thốn. Chế độ, chính sách còn nhiều bất hợp lý. Chưa phát động được phong trào quần chúng sâu rộng, đều khắp, chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, các đoàn thể quần chúng trong cuộc đấu tranh chống các loại tội phạm. Một số cán bộ, đảng viên và quần chúng còn chưa tích cực tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội còn nhiều tồn tại như vấn đề trẻ em hư, phạm pháp có chiều hướng tăng: năm 1983 có 2.076 em; năm 1984 có 2.133 em; từ (1980-1985) có 9.374 em, trong đó tập trung ở thành phố và thị xã đến 50%. Công tác vệ sinh nơi công cộng, tệ cờ bạc, mại dâm, nghiện hút... vẫn còn diễn biến phức tạp.

Thấu suốt đường lối cách mạng, đường lối quân sự của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong 5 năm (1981-1985), công tác quân sự địa phương được tăng cường. Từng bước kết hợp việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng. Đã chủ động chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, tập trung xây dựng thế trận phòng thủ của chiến tranh nhân dân. Tỉnh đã tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang địa phương theo hướng vững mạnh toàn diện, nhất là nâng cao sức chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Trên địa bàn tỉnh bước đầu kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế làm giàu, đánh thắng đạt kết quả tốt. Công tác hậu cần nhân

dân tại chỗ có bước phát triển, tham gia xây dựng kinh tế, sản xuất tự túc, chấp hành tốt chính sách quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội. Công tác gọi thanh niên nhập ngũ và giao quân hàng năm nhanh gọn và vượt chỉ tiêu. Những kết quả đạt được là tích cực, song so với yêu cầu thì vẫn còn thấp, chưa đồng đều. Công tác quán triệt và tổ chức thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc còn chưa tốt. Một số cấp uỷ Đảng, chính quyền chưa thực sự quan tâm đối với công tác quân sự địa phương, chưa gắn chặt kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với an ninh. Việc tổ chức sẵn sàng chiến đấu, xây dựng thế trận phòng thủ địa phương thiếu chặt chẽ. Lực lượng vũ trang nhân dân tuy rộng khắp, nhưng chất lượng chưa đồng đều, chưa vững chắc. Việc tổ chức và quản lý lực lượng dự bị còn lỏng lẻo, giáo dục Luật Nghĩa vụ quân sự chưa sâu do đó số lượng tân binh đảo ngũ còn cao. Việc thực hiện các chính sách hậu phương quân đội, nhiệm vụ chi viện phía Bắc và làm nhiệm vụ quốc tế, tuy có nhiều cố gắng nhưng so với yêu cầu có việc còn hạn chế.

II. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, CƯỜNG CỐ CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUÂN CHÚNG

Trước yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, trong những năm (1981-1985), Đảng bộ luôn coi công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ trọng tâm.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ III nêu rõ: Yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi phải thật sự tăng cường hơn nữa công tác xây dựng

Đảng, bảo đảm không ngừng nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo, nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ trên mọi lĩnh vực hoạt động, đặc biệt là lĩnh vực lãnh đạo kinh tế.

Trước hết các cấp uỷ Đảng phải tiến hành sâu rộng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong Đảng bộ và ngoài quần chúng, làm cho mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng thấm nhuần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, mỗi cấp phải cụ thể hoá thành mục tiêu phấn đấu tại địa phương, đơn vị.

Phải tập trung xây dựng tổ chức cơ sở Đảng coi đây là nhiệm vụ then chốt, thường xuyên của công tác xây dựng Đảng; đặc biệt coi trọng củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở vững mạnh, trong sạch, phấn đấu không còn đảng bộ, chi bộ yếu kém.

Kiên toàn và đẩy mạnh toàn diện hoạt động của Ủy ban kiểm tra các cấp theo nhiệm vụ, chức năng và những quy định của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V. Đặc biệt chú trọng chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện tốt nền nếp giữ gìn kỷ luật ở tất cả các tổ chức cơ sở Đảng.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ II và III, trong 5 năm (1981-1985), Đảng bộ tỉnh đề ra nhiều chủ trương, biện pháp về công tác xây dựng Đảng, gắn công tác xây dựng chi, đảng bộ vững mạnh, trong sạch với củng cố các cơ sở yếu kém, lấy việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, giữ vững an ninh trật tự và ổn

định đời sống nhân dân là mục tiêu quan trọng trong việc xây dựng Đảng bộ vững mạnh, nhân tố quyết định thắng lợi nhiệm vụ chính trị và bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng có cố gắng. Các cấp uỷ Đảng từ tỉnh đến cơ sở tổ chức tốt các đợt học tập quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng; nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh uỷ, học tập Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 1982)..., thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên tham dự. Thường xuyên giáo dục nâng cao lập trường giai cấp, tính tiên phong chiến đấu cho cán bộ, đảng viên; chú trọng bồi dưỡng lý luận cơ bản, đường lối chính sách, nâng cao phẩm chất cách mạng và kiến thức khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế. Gắn chặt công tác tư tưởng với tổ chức và quản lý, kiên quyết đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện cá nhân chủ nghĩa, bảo thủ, hữu khuynh, cục bộ bản vị. Từ năm (1983-1985), tỉnh đã liên tục cử 3.636 cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng chính trị, lý luận, văn hoá, quản lý kinh tế ở trong nước và nước ngoài. Hệ thống các trường Đảng tỉnh, huyện, thị được củng cố, kiện toàn. Năm 1985, trường Đảng tỉnh hoàn thành 3 lớp trung cấp cho 199 học viên, trong đó có 130 đồng chí học tập trung; đồng thời tổ chức 1 lớp lý luận tại chức cho 92 đồng chí cán bộ chủ chốt cấp xã⁽¹⁾. Thông qua các đợt học tập chính trị, bồi dưỡng lý luận

(1). Để góp phần đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ trong giai đoạn mới, ngày 02-01-1983, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 64-CT/TU yêu cầu các cấp uỷ đảng, các ban, ngành có liên quan tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, kiện toàn, xây dựng các trường Đảng, huyện, thị.

chính trị, nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng được nâng lên một bước, thông suốt tình hình và nhiệm vụ mới, thấy rõ hơn những khó khăn của cả nước, của địa phương, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đề cao tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy ý chí tự lực, tự cường trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nhận rõ âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch, nâng cao cảnh giác cách mạng, bình tĩnh, vững vàng bám trụ, vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, góp phần cùng cả nước đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Tuy nhiên, công tác tư tưởng còn nhiều hạn chế, lãnh đạo tư tưởng chưa sắc bén; tính chiến đấu, phê phán những biểu hiện tiêu cực trong Đảng và ngoài xã hội chưa cao; việc học tập quán triệt và tuyên truyền giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước chưa sâu rộng tới quần chúng, có nơi làm lướt, chiếu lệ, hình thức.

Công tác xây dựng Đảng về tổ chức được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ hết sức coi trọng. Thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 20-11-1980 của Bộ Chính trị Về công tác tổ chức, Chỉ thị số 50-CT/TU, ngày 24-4-1982 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Về củng cố tổ chức, tinh giảm biên chế hành chính, bộ máy tổ chức cán bộ đã hợp lý dân, thu gọn một số đầu mối nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý tốt hơn về kinh tế, quản lý xã hội. Công tác cán bộ đã có bước đổi mới theo hướng tăng cường lực lượng cho cơ sở, cho sản xuất kinh doanh, xây dựng kinh tế và quốc phòng an ninh. Số cán bộ trẻ qua rèn luyện trong thực tế, có trình

độ văn hoá, chuyên môn, kỹ thuật, được bổ sung vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý tạo nên cơ cấu mới trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Bước đầu tỉnh xây dựng được quy chế làm việc và đổi mới một bước đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành. Công tác cán bộ nữ được thực hiện theo Chỉ thị số 44-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Tuy vậy, công tác tổ chức cán bộ còn chưa đáp ứng được yêu cầu mới về tăng cường lãnh đạo và quản lý, nhất là kinh tế. Cơ cấu tổ chức bộ máy chưa đồng bộ, chưa đảm bảo phát huy được sự lãnh đạo của các cấp uỷ và hiệu lực của Uỷ ban nhân dân các cấp.

Thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW, ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Về việc phát thẻ đảng viên, đến ngày 31-01-1983, cả tỉnh Hà Nam Ninh có 1.715 cơ sở Đảng tiến hành phát thẻ đảng viên, đạt 100%. Có 108.254/111.405 đảng viên chính thức, đạt 97,3%; 3.489/3.942 đảng viên dự bị đã được nhận thẻ Đảng, đạt 88,5%. Công tác phát thẻ Đảng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc xem xét phát thẻ, nhận thẻ đã nâng cao trách nhiệm của tổ chức Đảng và đảng viên, củng cố thêm một bước tổ chức cơ sở đảng. Công tác đảng viên có tiến bộ, đảm bảo đúng nguyên tắc, thủ tục của Điều lệ Đảng, coi trọng chất lượng hơn số lượng. Trong 3 năm (1983-1985) đã kết nạp được 6.070 đảng viên mới, chủ yếu là thanh niên, nâng số đảng viên trong toàn tỉnh tính đến ngày 31-12-1985 lên trên 13 vạn đảng viên, tăng 1,7% so với năm 1982, chiếm 1,6% dân số. Số đảng viên có trình độ văn hoá cấp 3 từ 23,8% năm 1982, lên 29,5% năm 1985;

trình độ đại học, cao đẳng từ 4,37% lên 5,67%, sơ cấp lý luận chính trị từ 31,4% lên 37,7%; trung cấp lý luận có 5,62%. Trong đó đảng viên là cán bộ lãnh đạo có 54% đã học chương trình lý luận chính trị cao cấp và trung cấp, 15,8% học quản lý kinh tế và 12,6% học quản lý nhà nước.

Công tác kiểm tra kỷ luật Đảng được tăng cường, đấu tranh phê bình và tự phê bình được đề cao. Năm 1985, tiến hành 1.449 cuộc kiểm tra, trong đó 722 cuộc kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị. Đi đôi với biểu dương những nơi làm tốt, phát huy những nhân tố mới, đã xử lý, kỷ luật 1.333 đảng viên, trong đó khai trừ và đưa ra khỏi Đảng 564 trường hợp, đưa tổng số đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng trong 3 năm (1983-1985) là 1.924 người. Tuy nhiên, công tác kiểm tra vẫn chưa được chú trọng đúng mức, thiếu thường xuyên, kịp thời. Nhiều vấn đề xem xét, kết luận, xử lý chậm làm cho nguyên tắc kỷ luật của Đảng chưa được đề cao.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của các cấp uỷ Đảng, cuộc vận động xây dựng đảng bộ, chi bộ vững mạnh, trong sạch được thực hiện liên tục, tạo được những chuyển biến tích cực, hiệu quả cao. Số đảng bộ, chi bộ cơ sở đạt yêu cầu vững mạnh từ 23,51% năm 1982, tăng lên 49,64% năm 1985. Đảng bộ huyện Duy Tiên được Ban Bí thư Trung ương Đảng tuyên dương và tặng cờ đơn vị xuất sắc hai năm (1980-1981). Số đảng bộ, chi bộ yếu kém từ 14,42% giảm xuống còn 6,34%, chất lượng sinh hoạt của chi bộ và chất lượng của đảng viên được nâng lên; các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể được kiện toàn, củng cố, nội

bộ đoàn kết, thống nhất; các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh. Nhiều chi bộ đã tiến hành tốt việc phân công nhiệm vụ cho các đảng viên. Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan như tình hình kinh tế của tỉnh còn khó khăn, mất cân đối lớn; tiềm năng thế mạnh chưa được phát huy mạnh mẽ... nên cuộc vận động xây dựng đảng bộ, chi bộ vững mạnh chưa chuyển biến mạnh, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới, nhất là trong việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế từ quan liêu, bao cấp sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động, ngày 14-6-1985, Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh ra Nghị quyết số 26-NQ/TU yêu cầu các cấp uỷ Đảng trong 2 năm (1985-1986) phải tập trung sức mạnh hơn nữa vào cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở vững mạnh, trong sạch đáp ứng yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới.

Cùng với việc củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ chú trọng công tác xây dựng cấp huyện. Đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết của toàn Đảng. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và V khẳng định tầm quan trọng có tính chiến lược của công tác xây dựng huyện là quá trình thực hiện đường lối xây dựng nền kinh tế nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện là khâu quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong những năm trước mắt.

Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) xác định: Cấp huyện quản lý toàn diện về chính trị - kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh; trực tiếp chỉ đạo các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với kinh tế được giao. Huyện là địa bàn quan trọng để tổ chức lại sản xuất, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn, chăm lo đời sống vật chất, văn hoá của nhân dân, vận dụng sức mạnh tổng hợp của cả nước kết hợp sức mạnh của nhân dân lao động trong huyện và góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá cả nước. Huyện có nhiệm vụ phân công lao động, sử dụng hợp lý lao động, đất đai, phát triển ngành nghề về mọi mặt...

Với sự cố gắng của các cấp và các ngành, tình hình kinh tế - xã hội ở cấp huyện, thị xã của tỉnh đã có bước phát triển mới. Trên địa bàn huyện, thị xã, đã được đầu tư xây dựng và hình thành những hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp cơ khí, sửa chữa, sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến phục vụ sản xuất và đời sống, nhất là sản xuất nông nghiệp. Bước đầu hình thành sự kết hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp, sản xuất và phân phối lưu thông, giữa kinh tế và đời sống theo nội dung, phương hướng các nghị quyết của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh uỷ. Đến năm 1985, toàn tỉnh Hà Nam Ninh có 16/16 huyện, 2/4 thành, thị xã soát xét bổ sung quy hoạch kinh tế-xã hội. Việc phân cấp quản lý cho huyện đã được triển khai toàn diện. Qua phân cấp các huyện, thành, thị xã bước đầu phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo,

chỉ đạo sản xuất, kinh doanh, khai thác tiềm năng, thế mạnh, chăm lo đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống, tăng cường công tác quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện. Từ hành chính bao cấp, huyện, thành, thị xã đã chuyển dần thành cấp kế hoạch và ngân sách. Vừa làm chức năng quản lý hành chính nhà nước, vừa quản lý kinh tế; vừa làm trung tâm tiếp nhận và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, tổ chức, phổ biến, hướng dẫn, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và đời sống. Quá trình xây dựng và tăng cường cấp huyện đã đem lại những kết quả bước đầu quan trọng, tuy nhiên sự chuyển biến chưa mạnh, chưa đều, kết quả còn hạn chế. Sự phối hợp giữa ngành và huyện còn thiếu chặt chẽ chưa đồng bộ, chưa thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ. Bộ máy lãnh đạo, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các phòng, ban nghiệp vụ - kỹ thuật, kinh doanh sản xuất, trạm, trại... năng lực quản lý kinh tế, kỹ thuật còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu.

Chính quyền và các tổ chức đoàn thể có bước trưởng thành, ngày càng hướng về cơ sở. Hội đồng nhân dân các cấp duy trì tốt nền nếp sinh hoạt và từng bước nâng cao chất lượng hoạt động. Bộ máy chính quyền các cấp được tăng cường, đổi mới, nâng cao năng lực quản lý và năng lực điều hành. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đã bám sát nhiệm vụ kinh tế - xã hội, các nghị quyết của Đảng để tuyên truyền giáo dục và vận động quần chúng thực hiện, đồng thời quan tâm chăm lo xây dựng tổ chức các đoàn thể vững mạnh, chăm lo cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU, tháng 01-1981 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường lãnh đạo bầu cử Quốc hội khoá VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khoá III, các cấp uỷ Đảng và chính quyền đã lãnh đạo cử tri của địa phương tích cực tham gia bầu đại biểu Quốc hội khoá VII, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh vào ngày 24-4-1981. Từ năm 1984 trở đi, công tác bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp được tiến hành theo Luật Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, do đó mọi mặt công tác được chuẩn bị và thực hiện các bước theo Luật Bầu cử mới.

Ngày 27-2-1984, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Chỉ thị số 15-CT/TU Về lãnh đạo các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân huyện, xã và tương đương, được tổ chức vào ngày 22-4-1984. Ngày 15-01-1985, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị Về lãnh đạo tiến hành cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ (1985-1989) vào ngày 21-4-1985. Các chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ yêu cầu: “các cấp, các ngành phải tổ chức, lãnh đạo cuộc bầu cử đúng tinh thần của Luật mới”, bảo đảm “đúng luật, dân chủ, chất lượng, thiết thực và an toàn”, “tạo mọi điều kiện để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình lựa chọn được những đại biểu xứng đáng bầu vào Hội đồng nhân dân”, “xây dựng chính quyền thực sự của dân, do dân, vì dân”, “các cấp uỷ Đảng phải đề cao trách nhiệm lãnh đạo chính quyền sau bầu cử, trên cơ sở những quy định, nguyên tắc về sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền”.

Thực hiện các chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã và tương đương

ngày 22-4-1984 và Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 21-4-1985 được chuẩn bị và tiến hành nghiêm túc, dân chủ, chặt chẽ đúng quy trình các bước theo luật định, thu hút đông đảo cử tri đi bầu cử. Cả hai cuộc bầu cử tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đều đạt trên 99,4% số cử tri trong danh sách, thể hiện tinh thần làm chủ và ý thức trách nhiệm của cử tri đối với công tác xây dựng chính quyền các cấp. Thông qua bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được kiện toàn, củng cố một bước, chất lượng được nâng lên thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh tế, quản lý xã hội ở địa phương. Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân từng bước được cải tiến, xác định rõ hơn chức năng của cơ quan quyền lực Nhà nước địa phương theo Luật, khắc phục một bước tư tưởng ỷ lại, chông chéo, bao biện. Song nhìn chung, bộ máy chính quyền hiệu lực quản lý, điều hành còn yếu và phân tán. Kỷ cương, pháp luật chưa nghiêm. Công tác quản lý, giáo dục cán bộ, nhân viên cơ quan Nhà nước còn yếu. Tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân còn thấp. Mối quan hệ giữa chính quyền với các đoàn thể quần chúng chưa chặt chẽ.

Mặt trận Tổ quốc từ tỉnh đến cơ sở tích cực tham gia xây dựng và củng cố chính quyền các cấp, thực hiện việc bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã tích cực tham gia quá trình hiệp thương giới thiệu đại biểu có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức ra ứng cử vào các cơ quan quyền lực ở Trung ương và địa phương. Đồng thời, Mặt trận Tổ quốc các cấp tham gia vào xây dựng và hoạt động của chính quyền cùng cấp,

làm tốt chức năng tham mưu cho cấp uỷ Đảng lãnh đạo công tác vận động quần chúng.

Mặt trận đóng vai trò nòng cốt trong việc vận động nhân dân lao động thực hiện các phong trào phát triển sản xuất, đoàn kết tương trợ giúp đỡ nhau giống vốn, lương thực, ngày công để giải quyết khó khăn về đời sống. Các huyện Lý Nhân, Kim Bảng, Thanh Liêm là những điển hình làm tốt công tác này. Phong trào mua công trái xây dựng Tổ quốc được nhân dân tích cực hưởng ứng. Các xã Thanh Hương, Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm; xã Châu Giang, huyện Duy Tiên đã mua vượt chỉ tiêu mua công trái được giao. Mặt trận còn vận động nhân dân quyên góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt. Với số tiền, vật chất quyên góp được: 377.971 đồng; 284.455 kg thóc; 75.500 kg muối và nhiều hàng hoá nhu yếu phẩm khác, đã góp phần khắc phục khó khăn, ổn định đời sống cho đồng bào vùng lũ năm 1985.

Liên hiệp công đoàn tỉnh đã bám sát nhiệm vụ chính trị, phát động sâu rộng phong trào thi đua, động viên công nhân, viên chức tham gia sắp xếp lại lao động, tổ chức lại sản xuất, tự tháo gỡ khó khăn, phấn đấu hoàn thành kế hoạch Nhà nước... qua đó góp phần đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, xây dựng, củng cố tổ chức công đoàn đơn vị vững mạnh.

Hội phụ nữ các cấp đã tích cực củng cố tổ chức hội, duy trì đều các phong trào thi đua trên các lĩnh vực và đã đóng góp quan trọng vào kết quả sản xuất nông nghiệp,

công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp... Các phong trào của Hội đều đem lại kết quả thiết thực như: phong trào trồng một cây, nuôi một con; phong trào tiết kiệm; phong trào xây dựng phòng sản, phòng nhi; phong trào một ngày công vì trẻ thơ; phong trào áo ấm gửi chiến sĩ biên cương. Phong trào đỡ đầu gia đình thương binh - liệt sỹ được phụ nữ xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân khởi xướng ngày càng được nhân rộng trong toàn tỉnh. Với những kết quả đạt được, năm 1985 phong trào phụ nữ tỉnh Hà Nam Ninh được Trung ương Hội Phụ nữ Việt Nam khen thưởng.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên, thanh niên, qua đó phát huy vai trò xung kích làm chủ tập thể của tuổi trẻ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Trong mặt trận sản xuất lương thực, Đoàn đã tập trung xây dựng các thửa ruộng tăng sản, cánh đồng cao sản... Mỗi vụ có hàng vạn đoàn viên, thanh niên đăng ký vượt khoán với năng suất cao. Đoàn xã Tiên Nội, huyện Duy Tiên; Mỹ Xá, huyện Bình Lục; Đồng Hoá, huyện Kim Bảng; Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm có nhiều đoàn viên, thanh niên vượt từ 200 kg đến 300 kg/ha/năm so với định mức khoán, đạt 5-7 tấn thóc/ha/vụ. Trong phong trào lao động sáng tạo và tiết kiệm khối công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hành chính sự nghiệp, năm 1983, thanh niên toàn tỉnh đã có 2.302 đề tài sáng kiến hợp lý hoá sản xuất làm lợi cho nhà nước hàng chục triệu đồng. Trên mặt trận an ninh, quốc phòng, Đoàn Thanh niên là lực lượng xung kích dẫn đầu trong

nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, hăng hái gia nhập các lực lượng vũ trang. Năm 1983, toàn tỉnh có 156 đội thanh niên xung kích an ninh. Đội thanh niên xung kích an ninh xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm; xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng... có nhiều hoạt động khá. Đoàn viên Nguyễn Đức Vân, chiến sĩ Công an huyện Thanh Liêm là tấm gương sáng chống tiêu cực, hy sinh anh dũng, được Trung ương Đoàn truy tặng "Huy chương tuổi trẻ dũng cảm". Các cấp bộ đoàn đã chú trọng cải tiến hình thức, biện pháp chỉ đạo, tập trung vào các phương thức hoạt động như thi tuyên truyền viên trẻ, công trình thanh niên cộng sản, đội viên lớn lên đoàn, hội vui khoẻ truyền thống... nhằm tập hợp giáo dục tuổi trẻ đạt hiệu quả cao trong tình hình mới.

Hoạt động của Hội Liên hiệp nông dân tập thể có nhiều cố gắng. Đội ngũ cán bộ Hội được củng cố. Với chức năng nhiệm vụ của mình là "vận động giai cấp nông dân tập thể thực hiện 3 cuộc cách mạng ở nông thôn, đi vào xây dựng con người mới, nông thôn mới xã hội chủ nghĩa". Với những hình thức như liên kết thi đua hợp đồng trách nhiệm, trao đổi kinh nghiệm, tương trợ nhau trong lúc khó khăn... hội nông dân tập thể các cấp đã đạt những kết quả thiết thực. Hội liên tục phát động, động viên nông dân tập trung thâm canh vượt khoán, năm 1985, huyện Bình Lục có 16.800 hộ vượt khoán với 26 nghìn tấn thóc, là điển hình của tỉnh về thâm canh vượt khoán.

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Về phát triển kinh tế gia đình, các cơ sở hội đã xây dựng và nhân rộng mô hình kinh tế gia đình bằng thâm

canh vượt khoán kết hợp với VAC. Với mô hình này vừa tăng sản phẩm cho xã hội, vừa tăng thu nhập cho gia đình. Xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân có tới 50% hộ gia đình thu nhập thêm từ 7 đến 10 ngàn đồng bằng lao động vượt khoán và tăng vụ.

Nhìn chung, phong trào cách mạng của nhân dân có những chuyển biến mới. Nhiều phong trào thi đua đã được phát động, được đông đảo quần chúng tham gia, đem lại những kết quả cao. Điển hình là phong trào thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất, công tác, phong trào phát huy sáng kiến và tiết kiệm; phong trào phục vụ nông nghiệp và phong trào tăng gia sản xuất tự cải thiện đời sống trong công nhân, viên chức; cuộc hành quân theo bước chân những người anh hùng trong thanh niên; phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” trong phụ nữ; phong trào “5 cây, 3 việc”; “Tiết kiệm vui tuổi già”; “Phong trào hiến kế, hiến công” của Mặt trận Tổ quốc. Các điển hình tiên tiến được giữ vững, phát huy và xuất hiện thêm những nhân tố mới trên nhiều lĩnh vực hoạt động. Nhiều đơn vị và cá nhân được Nhà nước tuyên dương anh hùng như hợp tác xã Châu Giang, huyện Duy Tiên, Phòng nghiệp vụ chống phản cách mạng thuộc Sở Công an tỉnh, Trường phổ thông cấp II Bắc Lý, huyện Lý Nhân...

Thông qua công tác vận động quần chúng, bước đầu nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên, phát triển thêm đoàn viên mới, kiện toàn và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ. Mặt yếu của công tác vận động quần chúng là chưa tạo được khí thế hoạt động sôi nổi, đều khắp giữa các vùng và

cơ sở. Còn nhiều phong trào thi đua mang tính hình thức, thiếu hiệu quả thiết thực. Một trong những nguyên nhân làm cho phong trào đạt kết quả thấp là một số cấp uỷ Đảng chưa nhận thức đầy đủ vai trò của các tổ chức quần chúng đối với sự nghiệp cách mạng, do đó chưa tập trung việc củng cố, kiện toàn các đoàn thể quần chúng nhất là ở cơ sở; chưa tạo điều kiện cần thiết cho các đoàn thể hoàn thành nhiệm vụ.

Hà Nam Ninh là tỉnh có số lượng không nhỏ tín đồ các tôn giáo. Thực hiện Nghị quyết số 40-NQ/TW, ngày 01-10-1981 của Ban Bí thư và Nghị quyết số 25-NQ/TU, ngày 05-4-1982 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Về công tác vận động tôn giáo trong tình hình mới, các cấp uỷ Đảng đã tập trung đẩy mạnh tuyên truyền quan điểm và chính sách tôn giáo của Đảng, chú ý đào tạo bồi dưỡng cán bộ và phát triển đảng viên ở vùng giáo. Tăng cường tuyên truyền vận động quần chúng, tín đồ tôn giáo chấp hành đúng chính sách tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng, tích cực tham gia lao động sản xuất, xây dựng quê hương. Được sự quan tâm, động viên của các cấp chính quyền, đoàn thể, tín đồ các tôn giáo đã thực sự là nòng cốt trong sản xuất, xây dựng quê hương và bảo vệ Tổ quốc; tích cực tham gia các phong trào thâm canh, vượt khoán, thực hiện chính sách sinh đẻ có kế hoạch...

Sau 5 năm thực hiện kế hoạch Nhà nước (1981-1985), dưới ánh sáng các Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV, lần thứ V của Đảng, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, thực hiện Nghị

quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ II, III, các cấp uỷ Đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân trong tỉnh vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đề ra. Trong 18 chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra, đến hết năm 1985, có 10 chỉ tiêu quan trọng thực hiện đạt và vượt mức. Đó là sản lượng lương thực bình quân 5 năm (1981-1985) vượt 5,9%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng vượt 28,7%; sản lượng đay vượt 4,2%; lạc củ vượt 87%; tơ tằm vượt 10%; giá trị hàng xuất khẩu vượt 19%; đi xây dựng các vùng kinh tế mới trong 5 năm (1981-1985) với số nhân khẩu vượt 17,5%, lực lượng lao động vượt 32,8%; thu mua lợn bình quân hàng năm đạt 100%. Tinh thần đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau được phát huy mạnh mẽ.

Ghi nhận những cống hiến của nhân dân Hà Nam Ninh vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, năm 1985 Đảng, Nhà nước trao tặng nhân dân, cán bộ, chiến sĩ tỉnh Hà Nam Ninh Huân chương Sao Vàng - Huân chương cao quý nhất của Đảng và Nhà nước ta.

Cũng như các địa phương khác trong cả nước, kinh tế của tỉnh thời kỳ này phát triển chậm, hàng hoá phục vụ sản xuất, tiêu dùng thiếu, giá cả tăng nhanh và cao, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Đến hết năm 1985 còn 8 chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra chưa thực hiện được: Mâu quy thóc bình quân hàng năm bằng 78,6%; đến hết năm 1985: tổng sản lượng thịt lợn hơi bằng 91,2%, sản lượng cói 75,5%, mía 80,5%, đậu

tương 7,8%, huy động lương thực 96%, giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 96%. Tỷ lệ tăng dân số đề ra 1,5%, thực tế thực hiện 2,22%⁽¹⁾. Lòng tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước có phần giảm sút.

Mặc dù còn những khó khăn, hạn chế, song những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân Hà Nam Ninh đạt được trong 5 năm (1981-1985) là rất cơ bản. Đó là tiền đề quan trọng để Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh bước vào chặng đường mới của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

(1). Tỉnh Hà Nam Ninh: Tỷ lệ tăng dân số trung bình năm (1983-1985) so với năm (1980-1982) là 5,9% nhưng tổng sản phẩm xã hội chỉ tăng 2,9% và thu nhập quốc dân sản xuất là 0,8%. Đây là một trong những nguyên nhân chính gây nên tình hình khó khăn về kinh tế - xã hội của tỉnh.

CHƯƠNG XII
BUƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC
ĐỔI MỚI THEO ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG
(1986-1990)

I. ĐỔI MỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Sau 10 năm thống nhất đất nước, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và của nhân dân ta thu được những thành tựu nhất định. Nhiều công trình công nghiệp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng; nhiều hệ thống thủy nông đầu nguồn và thủy lợi nội đồng; một số công trình phúc lợi công cộng ở nông thôn được tu bổ và xây dựng mới. Nhưng do tư tưởng chủ quan, say sưa với thắng lợi, nóng vội muốn tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội trong một thời gian ngắn, việc bố trí sai cơ cấu kinh tế, cộng với những khuyết điểm của mô hình kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp bộc lộ ngày càng rõ, làm cho tình hình kinh tế - xã hội rơi vào trì trệ, khủng hoảng. Nước ta lại bị các thế lực thù địch bao vây, cấm vận; chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc xảy ra. Giữa lúc đó, cuộc điều chỉnh giá - lương - tiền tháng 9-1985 đã mắc phải nhiều khuyết điểm, tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội. Phân phối lưu thông

rối ren, giá cả tăng đột biến, lạm phát 774,7%, người lao động thiếu việc làm, hàng hoá tiêu dùng thiếu thốn...

Những mất cân đối trong nền kinh tế chậm được thu hẹp; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố, vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh bị suy yếu; đời sống nhân dân nhất là công nhân, viên chức gặp khó khăn; tiêu cực trong xã hội phát triển, công bằng xã hội bị vi phạm; quần chúng giảm lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Nhà nước.

Để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng đó, Đảng ta có những bước đột phá về đổi mới tư duy kinh tế, những thử nghiệm, tìm tòi cơ chế quản lý từ thực tiễn đã gợi mở hướng đi mới. Xu hướng cải cách, cải tổ ở các nước xã hội chủ nghĩa tác động mạnh tới Việt Nam, đặt ra yêu cầu, đòi hỏi bức thiết cho Đảng ta là phải lãnh đạo đổi mới mạnh mẽ, cơ bản cách nghĩ, cách làm đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng.

Chấp hành Điều lệ Đảng và Chỉ thị số 80- CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, từ ngày 21 đến 25-10-1986, sau khi hoàn thành Đại hội Đảng bộ cấp cơ sở, Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ IV tại Hội trường 3-2, thành phố Nam Định. Dự Đại hội có 516 đại biểu thay mặt cho hơn 13 vạn đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, Đại hội đã nghiên cứu, thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự

thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) và Báo cáo Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI; thảo luận Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III trong nhiệm kỳ (1982-1985) và đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho 5 năm (1986-1990).

Đại hội nhận định: Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh với tinh thần “đoàn kết và tự lực, chủ động và sáng tạo, hiệu quả và kỷ luật”, phát huy truyền thống cách mạng, vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nỗ lực phấn đấu, đạt được thắng lợi quan trọng. Các điển hình tiên tiến được giữ vững, phát huy và có thêm những nhân tố mới xuất hiện. Sản xuất nông nghiệp có bước chuyển biến mới về thâm canh; năng suất, sản lượng lúa tăng khá. Công nghiệp địa phương được duy trì và có mặt phát triển. Xuất, nhập khẩu có bước phát triển mới, góp phần cân đối ngân sách và những vật tư, hàng hoá bức thiết cho nông nghiệp, một phần cho công nghiệp và đời sống. Thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước và có nhiều cố gắng bảo đảm đời sống của nhân dân. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế được duy trì và có chuyển biến tích cực trên một số mặt. An ninh, quốc phòng được tăng cường. Các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể có bước trưởng thành mới.

Đại hội cũng nhận thấy, sản xuất còn phát triển chậm, thiếu ổn định; chưa phát huy được thế mạnh của 3 vùng

kinh tế; cơ cấu kinh tế địa phương hình thành chậm. Năng suất, chất lượng, hiệu quả các hoạt động kinh tế trong tỉnh còn thấp. Chi phí vật chất cho mỗi đơn vị sản phẩm tăng lên. Sự mất cân đối trong phát triển kinh tế chậm được khắc phục, có mặt nghiêm trọng thêm. Phân phối, lưu thông, nhất là giá cả thị trường diễn biến phức tạp và có nhiều khuyết điểm. Kinh tế chưa có tích lũy, ngân sách địa phương chưa đảm bảo cân đối thu - chi và phải dựa vào nguồn ngân sách Trung ương cấp. Công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội bị buông lỏng; các hiện tượng tiêu cực trong kinh tế - xã hội diễn biến phức tạp, có nơi nghiêm trọng. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể có mặt chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới.

Trên cơ sở phân tích khách quan những thành tựu và những hạn chế, khuyết điểm, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương; kịp thời quán triệt chủ trương đổi mới của *Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế*⁽¹⁾ của Bộ Chính trị trong Hội nghị tháng 8-1986 và dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương

(1). *Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế*: a) Trong bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu; ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng được phát triển có chọn lọc; b) Trong cải cách xã hội chủ nghĩa, xác định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; c) Trong cơ chế quản lý kinh tế lấy kế hoạch làm trung tâm, nhưng đồng thời phải sử dụng đúng quan hệ hàng hoá - tiền tệ, dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; chính sách giá phải vận dụng quy luật giá trị, tiến tới thực hiện cơ chế một giá.

Đảng đề bổ sung, cụ thể hoá các biện pháp thực hiện mục tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm (1986-1990), Đại hội đề ra phương hướng chung 5 năm (1986-1990). Nghị quyết Đại hội nêu rõ: *“Tăng cường đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động cách mạng, tập trung đẩy mạnh sản xuất, thật sự lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trọng tâm là lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp gắn bó chặt chẽ với xuất- nhập khẩu; kết hợp chặt chẽ kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, nhằm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và năng lực sáng tạo của nhân dân lao động, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, khai thác tiềm năng, thế mạnh của ba vùng kinh tế trong tỉnh, từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định và phát triển sản xuất, ổn định và từng bước cải thiện đời sống, tạo nguồn tích lũy từ nội bộ nền kinh tế trong tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho bước phát triển mạnh mẽ trong những năm sau”⁽¹⁾.*

Để thực hiện thắng lợi phương hướng trên, Đại hội đề ra mục tiêu chủ yếu 5 năm (1986- 1990) để Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh tập trung giải quyết. Các mục tiêu đó là: Từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định và cải thiện đời sống, có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế trong tỉnh trên cơ sở ổn định và phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp. Tập trung cao chỉ đạo và đầu tư cho mặt trận hàng đầu là nông nghiệp. Đồng thời chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và

(1). Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ IV, tr. 48-49.

hàng xuất khẩu. Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tăng nhanh xuất nhập khẩu, mở rộng liên kết, hợp tác và triệt để thực hành tiết kiệm. Hình thành cơ cấu kinh tế và xác định cơ cấu đầu tư hợp lý từ tỉnh đến cơ sở.

Tiếp tục hoàn chỉnh, xây dựng, tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ yêu cầu sản xuất và đời sống, nhất là cho thâm canh nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hàng hoá xuất khẩu. Đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

Thường xuyên chú trọng củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Hình thành và thực hiện cơ chế quản lý mới. Tăng cường công tác quản lý về mọi mặt. Cố gắng đến mức cao nhất giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện phân phối theo lao động. Đấu tranh khắc phục có hiệu quả các biểu hiện tiêu cực. Xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước và nghĩa vụ quốc tế. Tăng cường quốc phòng, an ninh. Lập lại kỷ cương xã hội. Tăng cường kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Đại hội đề ra những chỉ tiêu phấn đấu chủ yếu: Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt 92 vạn tấn, năm cao nhất đạt 1 triệu tấn trở lên. Lương thực bình quân đầu người đạt 310 kg/năm. Sản lượng một số loại cây công nghiệp chủ yếu bình quân 5 năm: Lạc 9.000 tấn, đay bẹ

6.000 tấn, cối chẻ 18.000 tấn, mía 65.000 tấn. Sản lượng kén tầm 200 tấn, thịt lợn hơi xuất chuồng đến năm 1990 đạt 32.000 tấn.

Giá trị sản lượng công nghiệp đến năm 1990 đạt 2,5 tỷ đồng, trong đó giá trị hàng xuất khẩu chiếm 32% (đạt 800 triệu đồng, bằng 22 triệu rúp-đôla).

Tỷ lệ tăng dân số đến năm 1990 còn 1,6%. Điều động đi xây dựng các vùng kinh tế mới ngoài tỉnh 5 năm là 15 vạn nhân khẩu, trong đó có 7 vạn nhân lực lao động. Mức lương thực để tiêu dùng trong nông dân bình quân 18kg/người/tháng. Phấn đấu bảo đảm các mặt hàng theo tiêu chuẩn định lượng và tiền lương thực tế cho cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang và những đối tượng hưởng chính sách.

Đại hội thống nhất đề ra những nhiệm vụ và biện pháp để phát triển nông nghiệp là: phải ưu tiên đầu tư tiền vốn, vật tư và năng lực cho nông nghiệp. Tiếp tục xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật nông nghiệp, trong đó thủy lợi là biện pháp hàng đầu để đáp ứng yêu cầu thâm canh tăng vụ, tăng diện tích. Thực hiện đồng bộ các chính sách nhằm khuyến khích người lao động yên tâm phấn đấu sản xuất, tăng nhanh hàng hoá nông sản, thực phẩm. Đổi mới và hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất và tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, nhất là xác định bộ giống thích hợp, cho năng suất ổn định, có khả năng chống chịu sâu bệnh. Mở rộng các

vùng chuyên canh cây trồng chính; vừa tập trung khuyến khích phát triển chăn nuôi gia đình, vừa chú ý củng cố, phát triển chăn nuôi tập thể và gia đình với quy mô thích hợp, có hiệu quả. Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và gia đình, bảo vệ rừng hiện có và tăng nhanh diện tích che phủ, có các biện pháp quản lý ngăn chặn nạn phá rừng. Đặc biệt là các cấp, các ngành phải chuyển biến mạnh trong nhận thức và hành động, phối hợp đồng bộ, tập trung cho mặt trận sản xuất nông nghiệp.

Giải pháp chủ yếu để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được Đại hội đề ra là: Tổ chức sắp xếp lại sản xuất, củng cố các xí nghiệp quốc doanh, tập trung vào các xí nghiệp trọng điểm, có lợi thế; phát huy quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh của cơ sở nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất, đầu tư mở rộng ngành nghề ở nông thôn, nhất là những cơ sở có truyền thống nhằm khai thác tốt cơ sở vật chất kỹ thuật và tiềm năng lao động. Xúc tiến khảo sát, nghiên cứu, xây dựng các cơ sở sản xuất hoá chất từ nguồn nguyên liệu địa phương như thạch cao, ôxítmanhê, clorua manhê, sulphát níchken... để phục vụ sản xuất. Tập trung giải quyết nguyên liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu, nông cụ và hàng tiêu dùng. Tổ chức liên kết với các xí nghiệp Trung ương trong áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và quản lý; tranh thủ các ngành khoa học của Trung ương hỗ trợ kỹ thuật địa phương. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện những cơ chế, chính sách thúc đẩy tăng hiệu quả sản xuất.

Về lĩnh vực văn hoá - xã hội, Đại hội chỉ rõ, trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, tiếp tục thực hiện cải cách giáo dục toàn diện theo Nghị quyết số 14-NQ/TW của Bộ Chính trị; đẩy mạnh tiếp thu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đời sống. Thường xuyên quan tâm đến hai vấn đề bức thiết là dân số - kế hoạch hoá gia đình và giải quyết việc làm cho người lao động. Chú trọng nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá-thông tin, văn học, nghệ thuật, phát thanh - truyền hình, báo chí và xuất bản.

Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được Đại hội đặt ra với yêu cầu: Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh phải thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nhận rõ bản chất kẻ thù, góp phần đánh bại chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch; đấu tranh mạnh mẽ với mọi biểu hiện tiêu cực nhằm giữ vững an ninh quốc gia; bảo đảm trật tự an toàn xã hội, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Công tác xây dựng Đảng luôn là nhiệm vụ hàng đầu, Đại hội chỉ rõ yếu tố quyết định bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới là phải tăng cường công tác xây dựng Đảng, trong đó hai khâu then chốt là xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ cốt cán, nhằm nâng cao sức chiến đấu, năng lực và phẩm chất lãnh đạo của Đảng bộ. Quán triệt quan điểm lấy dân làm gốc, tăng cường công tác vận động quần chúng, phát huy quyền dân chủ của nhân dân lao động. Củng cố, kiện toàn đồng bộ tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở.

tập, nghiên cứu các văn kiện Đại hội, xây dựng chương trình hành động cụ thể phù hợp với từng địa phương, đơn vị.

Chương trình sản xuất lương thực - thực phẩm được Đảng bộ coi trọng và giành thắng lợi toàn diện. Năm 1986 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tiến trình phát triển của địa phương. Ngày 01-8-1986, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 47-CT/TU *Về phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng đại hội Đảng các cấp và Đại hội lần thứ VI của Đảng.* Thực hiện Chỉ thị số 47, Tỉnh uỷ lãnh đạo các cấp, các ngành tập trung đầu tư *Phát triển nông nghiệp toàn diện*, trọng tâm là chương trình lương thực - thực phẩm theo hướng mở rộng diện tích, luân canh tăng vụ, tích cực thâm canh, tăng năng suất cây trồng; tích cực áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đưa các giống lúa, ngô có năng suất cao, phù hợp với thổ nhưỡng của địa phương vào gieo trồng; đồng thời sử dụng các loại phân bón hoá học và thuốc trừ sâu đúng quy trình để chăm sóc, bảo vệ cây trồng. Từng bước chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, mở rộng sản xuất vụ đông. Nhờ vậy, năm 1986, mặc dù có nhiều khó khăn về vật tư, thời tiết, nhất là cơn bão số 5 gây ra úng lụt⁽¹⁾ nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn giành thắng lợi trên nhiều mặt. Năng suất lúa cả năm đạt 54 tạ/ha. Sản lượng lương thực đạt 830.500 tấn, đạt 92,3% kế hoạch, tăng 2,6% so với năm 1985. Riêng sản lượng

(1). Cơn bão số 5 đổ vào Hà Nam Ninh đêm 5 rạng ngày 6-10-1986 đã làm 181 người chết, 839 người bị thương và 19 người mất tích; gây thiệt hại 2.865.000 đồng.

màu quy thóc đạt 73.700 tấn, bằng 122,8% kế hoạch, tăng 15,5% so với năm 1985. Huyện Kim Bảng gieo cấy từ 50-70% giống CR203 cho năng suất cao (30-34,4 tạ/ha/vụ) cao hơn giống Nông nghiệp 8 là 8 tạ/ha. Bình quân lương thực đầu người đạt 310-320 kg/năm. Từ mô hình trồng ngô và khoai tây vụ đông trên nền đất ướt đạt hiệu quả của hợp tác xã Trung Đồng, xã Đồng Hoá, huyện Kim Bảng, năm 1986, được Tỉnh uỷ chọn tổ chức hội nghị đầu bờ. Đồng chí Nguyễn Văn An, Bí thư Tỉnh uỷ về dự và chỉ đạo hội nghị. Sau đó, nhân rộng ra nhiều nơi trong tỉnh và một số huyện của tỉnh Hải Dương sang học tập.

Ngày 08-5-1986, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 41-NQ/TU *Về phát triển những cây công nghiệp chủ yếu phục vụ nguyên liệu cho chế biến công nghiệp và xuất khẩu*. Nghị quyết xác định: Phát triển cây công nghiệp theo hướng hình thành những vùng sản xuất hàng hoá tập trung theo cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp hợp lý từ cơ sở trên địa bàn huyện, tỉnh. Thực hiện Nghị quyết 41 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh tiến hành quy hoạch các vùng trồng cây công nghiệp thế mạnh của địa phương. Năm 1986, một số cây công nghiệp chủ lực xuất khẩu có sản lượng tăng khá so với năm 1985: lạc tăng 15,8%, đay tăng 6,8%... Chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển, đặc biệt là trong khu vực gia đình. Năm 1986, sản lượng thịt đạt 35.400 tấn, vượt 10% so với kế hoạch và tăng 10% so với năm 1985.

Tuy vậy, kinh tế nông nghiệp, nông thôn vẫn trì trệ, chưa tạo ra bước đột phá. Tình trạng thiếu lương thực vẫn

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IV gồm 65 đồng chí, trong đó có 51 Ủy viên chính thức; 14 Ủy viên dự khuyết và bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng gồm 45 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ khoá IV họp phiên đầu tiên vào sáng 25-10-1986, bầu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng được bầu lại làm Bí thư Tỉnh uỷ; đồng chí Tô Xuân Toàn làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.

Thành công của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đánh dấu bước chuyển biến quan trọng về nhận thức và sự cụ thể hoá bước đầu đường lối đổi mới của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, phản ánh sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng bộ trong việc quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng diễn ra từ ngày 15 đến 18-12-1986 tại thủ đô Hà Nội. Với phương châm *“nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”*, Đại hội đánh giá, phân tích sâu sắc những thành tựu và hạn chế, khuyết điểm, sai lầm, trong đó có sai lầm về bố trí cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, phân phối lưu thông, cải tạo xã hội chủ nghĩa,... coi đó *“là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”*, *“bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng”*.

Đại hội đưa ra *đường lối đổi mới toàn diện đất nước*, bao gồm đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức - cán bộ, đổi mới

phương pháp lãnh đạo và phong cách lãnh đạo. Đại hội đặc biệt nhấn mạnh phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; phải nắm vững quy luật khách quan; phải lấy dân làm gốc.

Đại hội đề ra ba chương trình kinh tế lớn là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, xem đó là mũi nhọn phát triển kinh tế trong thời kỳ mới, đồng thời chủ trương kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý mới, áp dụng những biện pháp kích thích sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hoá, xoá bỏ tình trạng ngăn sông cấm chợ, chia cắt thị trường; lập lại trật tự, kỷ cương, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Đại hội VI nhấn mạnh: phải làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước, đẩy lùi và xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội; đổi mới quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý; thực hiện *“dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”*.

Đại hội VI của Đảng là sự kiện quan trọng đánh dấu một bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tạo ra bước đột phá lớn và toàn diện, đem lại luồng sinh khí mới trong xã hội, làm xoay chuyển tình hình, đưa đất nước tiến lên.

Để đưa đường lối đổi mới của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV vào cuộc sống, Tỉnh uỷ chỉ đạo các cấp uỷ Đảng tổ chức cho cán bộ, đảng viên học

chưa được khắc phục. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành chưa tương xứng với vị trí nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Phương thức lãnh đạo còn nặng về hành chính, sự vụ, chưa phát huy được thế mạnh của kinh tế hộ. Đầu tư cho nông nghiệp và thủy lợi còn thấp so với yêu cầu. Việc cung ứng điện và điều hành hệ thống thủy nông có lúc, có nơi chưa kịp thời, còn gây phiền hà cho nông dân. Còn nhiều diện tích lúa thường xuyên bị úng, hạn. Một số giống cây không còn phù hợp nhưng chưa được thay thế kịp thời; trình độ thâm canh còn thấp. Việc tổ chức dịch vụ, hướng dẫn kỹ thuật tổng hợp của hợp tác xã chưa được thường xuyên. Sản xuất nông nghiệp đặt ra hàng loạt vấn đề đòi hỏi phải giải quyết.

Ngày 08-4-1987, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ban Nông nghiệp Tỉnh uỷ mở *Hội nghị tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng*. Hội nghị thống nhất khẳng định: Thực hiện cơ chế khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 đã phát huy tác dụng, tạo ra động lực mới trong sản xuất nông nghiệp, bước đầu làm thay đổi cơ chế quản lý của các hợp tác xã. Song, sau 6 năm thực hiện, Chỉ thị 100 cũng bộc lộ những hạn chế, đó là việc giao khoán của một số hợp tác xã chưa phù hợp với quyền lợi của xã viên, chưa tương xứng với thành quả lao động; nhiều hợp tác xã buông lỏng chỉ đạo và điều hành sản xuất, xây dựng kế hoạch thiếu căn cứ cụ thể; chưa kết hợp củng cố quan hệ sản xuất với đầu tư xây dựng cơ sở vật chất,... dẫn đến tình trạng khê đọng sản phẩm, lợi dụng, tham ô phát triển ở nhiều hợp tác xã, làm cho quần chúng thiếu an tâm, kém phấn khởi và giảm sự hăng hái trong sản xuất.

Trước tình hình đó, ngày 23-5-1987, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 08-NQ/TU *Về một số quy định nhằm bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã nông nghiệp*. Nghị quyết nêu rõ: Kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; đồng thời phải đổi mới công tác quản lý của các hợp tác xã, nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất, phát huy mọi khả năng hiện có và tiềm năng về lao động, đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật, tiền vốn... của hợp tác xã và các thành phần kinh tế.

Thực hiện Nghị quyết 08 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các hợp tác xã đã chủ động đổi mới cơ cấu sản xuất, chủ động áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi và phòng trừ sâu bệnh. Các chính sách mới cùng với việc hoàn chỉnh cơ chế khoán sản phẩm trong hợp tác xã, bổ sung đất, phân trăm làm kinh tế gia đình thực sự thúc đẩy sản xuất phát triển. Mặc dù, vụ chiêm xuân đạt năng suất thấp, nhưng vụ mùa đạt 34,4 tạ/ha, là vụ đạt cao nhất, do đó tổng sản lượng lương thực năm 1987 đạt 89,35 vạn tấn, tăng 7,2%; lương thực bình quân đầu người đạt 299 kg/năm, tăng 6%; huy động lương thực đóng góp cho Nhà nước 152.000 tấn, tăng 10% so với năm 1986. Huyện Thanh Liêm có 7 hợp tác xã như Liêm Tiết, Thanh Hà, Đông Nghị..., đạt năng suất từ 40-47 tạ/ha; huyện Bình Lục có 21 hợp tác xã đạt năng suất từ 35-40 tạ/ha; hợp tác xã Phù Đê, Đông Hoá, huyện Kim Bảng đạt 40 tạ/ha/vụ; các hợp tác xã Đông Văn, Yên Bắc, Duy Hải, Tiên Hải, Tiên Ngoại, Tiên Nội, Yên Nam, Đọi Sơn, Châu Sơn, Mộc Nam, huyện Duy Tiên đều đạt hơn 40 tạ/ha/vụ.

Qua thực tế, nếu thay đổi cơ cấu giống lúa thích hợp, chỉ đạo tốt thời vụ, tập trung thâm canh, vụ mùa vẫn cho năng suất cao và tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất vụ đông, đưa lên thành vụ sản xuất chính. Diện tích ngô đông năm 1987 tăng gấp 5 lần năm 1986 và cho năng suất cao. Điển hình về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ có kết quả tốt là huyện Lý Nhân.

Dù còn gặp khó khăn về lương thực và chính sách về giá thực phẩm nhưng chăn nuôi vẫn duy trì và phát triển. Đặc biệt là đàn trâu, bò qua mấy năm giảm sút đã tăng trở lại, góp phần giải quyết sức kéo, phát triển nông nghiệp. Năm 1987, tổng sản lượng thịt lợn xuất chuồng đạt 39.637 tấn, tăng 4.237 tấn so với năm 1986; đóng góp cho Nhà nước 12.500 tấn.

Khắc phục những hạn chế của Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 05-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW *Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*. Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đề ra cơ chế khoán mới, xác định hợp tác xã nông nghiệp là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản, hộ xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã. Qua đó, giải phóng sức lao động ở nông thôn và giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về lợi ích, đảm bảo lợi ích chính đáng của người lao động. Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, ngày 6-9-1988, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 10 (khóa IV) ra Nghị quyết số 18-NQ/TU *Về tiếp tục thực hiện đổi mới quản lý kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị*. Tỉnh uỷ

chủ trương thực hiện hình thức khoán mới nhằm phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, các vùng, ngành; chuyển nền nông nghiệp từ tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hoá theo hướng khai thác thế mạnh của từng vùng, giải quyết nhu cầu cơ bản, cấp bách về lương thực, thực phẩm, tăng thêm nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hoá cho tiêu dùng và xuất khẩu, phục vụ bốn chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh. Đổi mới tổ chức và cán bộ phù hợp với cơ chế quản lý mới.

Cơ chế khoán 10 thổi luồng gió mới vào đời sống nông thôn, tạo nguồn sinh khí mới, mang lại động lực mới kích thích nông dân đầu tư vào khai thác, phát huy những tiềm năng sẵn có để phát triển sản xuất nông nghiệp. Năm 1988, sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn lớn bởi lạm phát kéo dài ở mức độ cao, giá cả tăng nhanh; thời tiết đầu vụ chiêm xuân và cuối vụ mùa diễn biến bất thường, nhưng do gắn lao động với đất đai thông qua cơ chế khoán sản phẩm, nông dân đã đầu tư vốn, sử dụng giống mới; thâm canh tăng năng suất. Tổng diện tích gieo trồng 372.300 ha; năng suất lúa đạt 62,64 tạ/ha, tăng 6,17 tạ/ha so với năm 1987. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 1.008.300 tấn, năm đầu tiên đạt mục tiêu lương thực do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra và là tỉnh duy nhất vùng đồng bằng sông Hồng vượt qua “cửa ải” 1 triệu tấn lương thực. Năm 1988, lương thực bình quân đầu người của huyện Duy Tiên đạt 430 kg/năm. Nhiều hợp tác xã có mức bình quân cao như Tiên Ngoại đạt 875 kg, Tiên Nội đạt 716 kg, Tiên Hải đạt 635 kg, Yên Bắc đạt 600 kg. Hai năm (1987-1988) sản

lượng lương thực vụ đông huyện Bình Lục tăng 77% so với thời kỳ (1981-1985). Lương thực tăng từng bước giải quyết nhu cầu lương thực cho người và phát triển chăn nuôi. Đàn lợn vẫn duy trì 658.700 con, trong đó đàn lợn thịt đạt 102,4% so với năm 1987. Đàn trâu, bò phục hồi nhanh, trong đó đàn trâu đạt 67.800 con, tăng 8,8%; đàn bò đạt 51.000 con, tăng 24,2% so với năm 1987. Việc nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản, chăn nuôi gia cầm, nhất là gà công nghiệp cũng được quan tâm hơn.

Thực hiện cơ chế khoán mới, tình hình sản xuất nông nghiệp trên cả nước có nhiều khởi sắc. Nông dân phát huy ý thức làm chủ trên diện tích nhận khoán. Tuy nhiên, phát sinh tình trạng tranh chấp đất đai ở nhiều nơi. Trước tình hình đó, ngày 31-8-1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khoá VI) ban hành Chỉ thị số 47-CT/TW *Về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất*. Quán triệt Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị, Tỉnh uỷ chỉ đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh, tập trung giải quyết tình trạng tranh chấp, quản lý, sử dụng ruộng đất và triển khai thực hiện Luật Đất đai được Nhà nước ban hành đầu năm 1988. Qua kiểm tra đã phát hiện, xử lý những trường hợp sử dụng đất không đúng chính sách, lấn chiếm ruộng đất, cấp bán đất trái thẩm quyền... Thực hiện Luật Đất đai, công tác quản lý của chính quyền các cấp, ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân về đất đai từng bước đi vào nề nếp; những vụ phức tạp về đất đai đã kịp thời giải quyết.

Sau khi thực hiện thí điểm khoán 10 ở xã Duy Hải, huyện Duy Tiên, công tác khoán 10 được đẩy mạnh ở tất

cả các hợp tác xã nông nghiệp trong toàn tỉnh. Đồng thời, các hợp tác xã tiếp tục sắp xếp và tổ chức lại bộ máy cho phù hợp với Nghị quyết 18 của Tỉnh uỷ. Nhìn chung, bộ máy quản lý giảm từ 20-30%. Hợp tác xã Tiên Ngoại, huyện Duy Tiên giảm 1/3 số người quản lý. Huyện Bình Lục có 717 cán bộ hợp tác xã, giảm 55,9% so với trước khoán 10. Sự điều hành của hợp tác xã năng động, sáng tạo hơn. Khoán 10 tạo điều kiện để kinh tế gia đình phát huy ưu thế, các hộ nông dân chủ động sản xuất, tận dụng đất đai, tích cực thâm canh, nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng. Phong trào nông dân sản xuất giỏi, mô hình VAC (vườn - ao - chuồng) ngày một phát triển. Nhiều hộ mạnh dạn nhận khoán diện tích mặt nước, ao hồ để nuôi thả cá. Một số gia đình đầu tư mua máy xát gạo, nghiền thức ăn gia súc, mở xưởng sản xuất và sửa chữa cơ khí, làm dịch vụ nông nghiệp,... Thu nhập của xã viên ngày một tăng, đời sống nông dân từng bước được cải thiện.

Với chính sách tự do lưu thông và cơ chế khoán mới đã thúc đẩy nông nghiệp phát triển toàn diện và từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá. Năm 1989, sản xuất lương thực, thực phẩm đạt những đỉnh cao mới. Năng suất lúa đạt 66,81 tạ/ha; tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 1.053.000 tấn, trong đó sản lượng thóc là 961.500 tấn. Năm 1990, năng suất lúa đạt 67,64 tạ/ha, tăng 14,99 tạ/ha; tổng sản lượng lương thực đạt 1.062.400 tấn, sản lượng thóc đạt 979.000 tấn, tăng 212.100 tấn so với năm 1986. Huyện Thanh Liêm, năng suất lúa đạt bình quân 62 tạ/ha/năm. Các hợp tác xã Liêm Tiết, Thanh Hà, Thanh Lưu,

Thanh Thủy đạt 65-70 tạ/ha. Năng suất lúa bình quân 2 năm 1989 - 1990 của huyện Duy Tiên đạt 76,7 tạ/ha, trong đó năm 1990 đạt 77,98 tạ/ha; bình quân lương thực đầu người đạt 446 kg/năm. Sản xuất cây màu vụ đông đã thành tập quán và đi vào ý thức tự giác của nhân dân. Một số xã có phong trào làm màu tốt là An Đổ, Mỹ Thuận, Trung Lương, huyện Bình Lục.

Trong 5 năm (1986-1990) với cơ chế mới trong sản xuất nông nghiệp, tỉnh Hà Nam Ninh giành được thắng lợi toàn diện: diện tích, năng suất và sản lượng. Diện tích cây lương thực bình quân 5 năm (1986-1990) so với 5 năm (1981-1985) tăng, trong đó diện tích màu tăng 13,9%. Một số cây công nghiệp tăng khá như đay, lạc, đậu tương. Năng suất lúa tăng 12,1%, nhịp độ tăng đều và liên tục trong 5 năm, từ 52,6 tạ/ha năm 1986, lên 67,64 tạ/ha năm 1990. Một số hợp tác xã trong tỉnh đạt trên 10 tấn/ha. Sản lượng lương thực đạt 970.000 tấn/năm, vượt 5,5% mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra và tăng 11,8% so với bình quân 5 năm (1981-1985). Ba năm 1988, 1989, 1990, mỗi năm đều đạt trên 1 triệu tấn lương thực. Bình quân lương thực đầu người đạt 314 kg/năm, vượt 4 kg so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV; bước đầu khắc phục khó khăn về lương thực lúc giáp hạt, bảo đảm cân đối nhu cầu lương thực trong tỉnh, đã có dự trữ và dành một phần xuất khẩu. Do đạt được những thành tựu quan trọng trong đổi mới kinh tế nông nghiệp, nhân dịp đón xuân Kỷ Tỵ 1989, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đã về thăm Đảng bộ và nhân dân Hà Nam Ninh; sau

đó đến thăm hợp tác xã Mai Công, xã Đông Lý, huyện Lý Nhân, một điển hình về trồng cây vụ đông của tỉnh.

Sản xuất lương thực tăng đã thúc đẩy chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển. Năm 1990, đàn lợn đạt 714.900 con, tăng 11,4% so với năm 1986; sản lượng lợn xuất chuồng đạt 45,5 ngàn tấn, vượt 42,1% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV và tăng 44,8% so với bình quân 5 năm (1981-1985). Đàn trâu năm 1990 có 76.400 con, tăng 4.900 con; đàn bò 60.400 con, tăng 20.400 con so với năm 1986. Đàn gia cầm tăng nhanh. Tận dụng diện tích ao, hồ, để nuôi trồng thủy sản. Chăn nuôi phát triển khắc phục được tình trạng thiếu sức kéo, bảo đảm cung cấp thực phẩm phục vụ đời sống và đã có xuất khẩu thịt đông lạnh sang thị trường Liên Xô và các nước Đông Âu.

Để khai thác có hiệu quả tiềm năng kinh tế rừng, Tỉnh uỷ chỉ đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh giao đất, giao rừng cho nhân dân, gắn lợi ích của người làm nghề rừng với trách nhiệm bảo vệ và làm giàu vốn rừng. Chủ trương đó tạo nên phong trào nhân dân nhận đất rừng và rừng để sản xuất, kinh doanh. Nhiều hộ gia đình đã đầu tư vốn trồng cây lấy gỗ, cây ăn quả, tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị kinh tế. Trong 5 năm (1986-1990), phong trào phủ xanh đất trống, đồi trọc của tỉnh cơ bản hoàn thành. Công tác bảo vệ rừng được chú ý. Lực lượng kiểm lâm phối hợp với công an phát hiện nhiều vụ vi phạm và xử lý nghiêm minh, do đó hạn chế tình trạng chặt phá rừng và vận chuyển gỗ trái phép.



*Đông chí Võ Chí Công, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước (thứ 2 từ phải sang)
về thăm hợp tác xã Mai Công và nhân dân công giáo, xã Đông Lý,
huyện Lý Nhân, năm 1989*

Tuy vậy, sản xuất nông nghiệp phát triển chưa toàn diện, kết quả chưa ổn định và thiếu vững chắc. Tiềm năng lao động, đất đai vùng đồi núi và cơ sở vật chất kỹ thuật chưa được khai thác, phát huy hiệu quả. Nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên; chưa chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá. Sản xuất màu tăng chậm. Một số cây công nghiệp và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trong nông nghiệp giảm sút. Sản xuất lâm nghiệp, ngư nghiệp chưa chú trọng đúng mức; chưa gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến.

Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng gắn với phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh. Cùng với đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, thực hiện chương trình lương thực - thực phẩm, Tỉnh uỷ tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Ngày 18-2-1986, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 35-NQ/TU *Về cải tiến cơ chế quản lý, bảo đảm quyền chủ động sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh địa phương.* Nghị quyết nêu rõ quyền hạn của xí nghiệp: chủ động xây dựng kế hoạch; chủ động sản xuất kinh doanh và chủ động về tài chính, tài sản, tín dụng. Thực hiện các chính sách mới của Trung ương và Tỉnh uỷ, các xí nghiệp quốc doanh trong tỉnh tiến hành sắp xếp lại sản xuất, thực hiện giảm biên chế gián tiếp, rà soát lại định mức lao động, cân đối lại vật tư, chủ động gắn sản xuất với vùng nguyên liệu. Một số xí nghiệp mới được thành lập. Nhờ vậy, sản xuất công nghiệp năm 1986 có chuyển biến tiến bộ. Giá trị tổng sản lượng

công nghiệp địa phương đạt 2.104 triệu đồng, đạt 94,6% kế hoạch; sản xuất tiểu thủ công nghiệp đạt 94,1%. Sản xuất công nghiệp đã có một số sản phẩm mới: ôxítmanhê, sulphát níchken, đường kết tinh...; một số sản phẩm được công nhận cấp dấu chất lượng Nhà nước.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (tháng 8-1987) quyết định chuyển hoạt động của các đơn vị công nghiệp quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý Nhà nước về kinh tế, thực hiện tự chủ kinh doanh. Ngày 16-10-1987, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 10-NQ/TU *Về những việc cấp thiết triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 và Kết luận số 03 của Bộ Chính trị (khóa VI)*. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xác định: kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển các hoạt động của nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; trước mắt tập trung vào thực hiện “4 giảm”⁽¹⁾.

Quán triệt Nghị quyết số 10 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các ngành chức năng đổi mới cơ chế sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Chủ trương phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp để phục vụ nông nghiệp và đời sống nhân dân, các địa phương, các ngành có nhiều cố gắng tổ chức sản xuất và cung ứng nông cụ,

(1). Giảm tốc độ lạm phát; giảm nhịp độ tăng giá; giảm tốc độ bội chi ngân sách; giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương, của quân đội, công an, người về hưu, nhân dân lao động.

máy tuốt lúa, xe cải tiến... Các điểm cơ khí sửa chữa, cung ứng một số mặt hàng tiêu dùng phục vụ đời sống nhân dân như: vật liệu xây dựng, xe đạp, phụ tùng, hàng dệt may và sản phẩm thủ công mỹ nghệ xuất khẩu sơn mài, thảm, thêu ren, khắc gỗ. Một số xí nghiệp quốc doanh được xây dựng, với thiết bị kỹ thuật tiên tiến đi vào sản xuất như: tôm đông lạnh, thịt đông lạnh, nhà máy xe đạp, ươm tơ, may mặc. Một số xí nghiệp cơ khí, vận tải chú trọng đầu tư đổi mới thiết bị, phương tiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng và phát triển kinh tế của địa phương. Năm 1987, tổng giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp của thị xã Hà Nam đạt 137,5% kế hoạch tỉnh giao, tăng 6,1% so với năm 1986. Điển hình là nhà máy cơ khí Hà Nam, Xí nghiệp Công trình 220, Công ty Xây dựng số 2, Xí nghiệp Điện tử - Điện máy và các hợp tác xã Trường Thành, Hồng Thái, Thắng Lợi. Huyện Bình Lục có một số doanh nghiệp điển hình làm ăn có hiệu quả là: Xí nghiệp sản xuất Vật liệu xây dựng, Xí nghiệp Dược, Xí nghiệp 27/7, Xí nghiệp Tiến Thành, Công ty Vật tư nông nghiệp.

Cùng với đầu tư trang thiết bị mới, hiện đại, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã về chủ trương, chính sách đổi mới cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Qua đó sản xuất công nghiệp có sự chuyển biến tích cực, tìm được thị trường tiêu thụ, duy trì được sản xuất, công nhân có việc làm, chất lượng một số sản phẩm khá hơn trước.

Năm 1987, giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương đạt 2.416 triệu đồng, tăng 312 triệu đồng so với năm 1986.

Ngày 20-3-1989, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) kiểm điểm 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho những năm tiếp theo. Hội nghị khẳng định những kết quả đạt được bước đầu trong 2 năm thực hiện đường lối đổi mới, chỉ rõ những thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng. Hội nghị đề ra chủ trương và phương hướng lớn, chính sách và giải pháp cụ thể, khẳng định lại các nguyên tắc cơ bản của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và xác định phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần là chủ trương lâu dài trong suốt thời kỳ quá độ.

Hội nghị nhấn mạnh việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung thực hiện các mục tiêu của 3 chương trình kinh tế là: Lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Thực hiện chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, giải phóng mọi năng lực sản xuất là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật. Tăng cường đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển mạnh các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh; kiểm chế và đẩy lùi lạm phát; tăng cường vai trò động lực của khoa học kỹ thuật và phát triển kinh tế đối ngoại.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa VI), Tỉnh uỷ tập trung chỉ đạo, phân công cán bộ bám sát địa bàn, đẩy mạnh áp dụng cơ chế quản lý mới trên nhiều lĩnh vực

sản xuất và quản lý xã hội. Từ đó, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

Tiếp thu tinh thần chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Các đơn vị kinh tế quốc doanh được rà soát, sắp xếp lại. Tiến hành giải thể các xí nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài; tập trung giải quyết chế độ cho lao động dôi dư. Những xí nghiệp làm ăn có hiệu quả xác định lại phương hướng sản xuất, thay thế thiết bị, mở rộng các hình thức khoán gọn, khoán lương, thưởng đi đôi với rà soát lao động, thực hiện tinh giản biên chế. Qua đó, các xí nghiệp đã phát huy quyền tự chủ trong sản xuất, mở rộng dịch vụ, mở rộng liên kết và chủ động lưu thông, tìm thị trường tiêu thụ.

Cùng với sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, kinh tế tập thể có bước đổi mới, đa dạng hoá về hình thức, nội dung và quy mô hoạt động. Đảng bộ chú trọng lãnh đạo phát triển các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Ngày 30-3-1987, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 20-NQ/TU *Về một số quy định nhằm khuyến khích, phát triển kinh tế gia đình, sản xuất tư nhân, lưu thông hàng hoá trên thị trường*. Căn cứ vào tình hình thực tế, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề ra một số quy định: Khuyến khích phát triển kinh tế gia đình. Chính quyền các cấp, các ngành khuyến khích và hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho mọi người, mọi ngành, mọi nghề phát triển sản xuất tạo thêm sản phẩm cho xã hội, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống.

Thừa nhận và bảo hộ kinh tế tư nhân sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làm nghề dịch vụ.

Giải toả lưu thông, mở rộng giao lưu hàng hoá: các cơ quan Nhà nước phải tổ chức, kiểm tra việc thực hiện giải toả các trạm kiểm soát đặt trên các đường giao thông gây cản trở việc giao lưu hàng hoá trên thị trường; khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân mở rộng giao lưu lương thực, thực phẩm hàng tiêu dùng (trừ những mặt hàng Nhà nước cấm).

Khuyến khích kiều bào quê Hà Nam Ninh đầu tư vốn xây dựng các công trình kinh tế, văn hoá - xã hội tại địa phương; những người đi lao động, học tập ở nước ngoài gửi tiền, vật tư, thiết bị về cho gia đình phát triển sản xuất (trừ những thứ Nhà nước cấm).

Ngày 15-7-1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khoá VI) ra Nghị quyết số 16-NQ/TW *Về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc thành phần kinh tế ngoài quốc doanh*. Thực hiện Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị, Tỉnh uỷ chỉ đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh hướng dẫn các ngành, các địa phương tổ chức thực hiện cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Nghị quyết số 16 của Bộ Chính trị và những định hướng, chỉ đạo của Tỉnh uỷ thể hiện sự đổi mới sâu sắc chính sách và quản lý đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và kinh tế hộ. Đổi mới quan điểm và cơ chế có tác dụng tích cực, làm thay đổi nhận thức của người lao động, tạo động lực để các thành phần kinh tế phát triển, thực hiện 4 chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh. Kinh tế gia đình phát triển

mạnh, khai thác được tiềm năng lao động, đất đai, tiền vốn, kỹ thuật để phát triển sản xuất, tăng sản phẩm hàng hoá, tăng thu nhập. Đến năm 1990, toàn tỉnh có hàng ngàn hộ gia đình sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, thu mua nông sản xuất khẩu và làm kinh tế trang trại đạt hiệu quả kinh tế cao.

Kinh tế cá thể tăng nhanh và hoạt động trên nhiều lĩnh vực: sản xuất tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ góp phần quan trọng vào việc mở rộng lưu thông hàng hoá làm cho thị trường phong phú, đa dạng. Một số công ty, xí nghiệp tư nhân được thành lập. Qua đó, kinh tế tập thể, tư nhân, cá thể, gia đình từ 85,4% tổng sản phẩm xã hội và 91% thu nhập quốc dân tăng lên 88% và 93,2%. Kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ ở thị xã Hà Nam.

Chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần được Đảng bộ cụ thể hoá vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương và đã đạt được kết quả bước đầu. Lao động, kỹ thuật, nguồn vốn, vật tư của các thành phần kinh tế được sử dụng trong sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hơn; kinh doanh dịch vụ và kinh tế hộ gia đình phát triển ở cả nông thôn, thị xã, thị trấn. Ngành dịch vụ phát triển đã tạo thêm việc làm và phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất, thúc đẩy cạnh tranh, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Sự kết hợp giữa công nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh với công nghiệp địa phương có nhiều tiến bộ, nhất là nhà máy Liên hợp Dệt và nhà máy Dệt Nam Định đã có sự chủ động giúp đỡ vốn, nguyên liệu để một

số xí nghiệp, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp dệt, may có điều kiện đầu tư chiều sâu và giải quyết việc làm cho người lao động.

Giá trị sản lượng công nghiệp địa phương bình quân 5 năm (1986-1990) tăng 14,3% so với 5 năm (1981-1985). Trong 16 ngành công nghiệp có 12 ngành tăng so với 5 năm trước, trong đó ngành da và giả da tăng 75,7%, may mặc tăng 46%, điện tử tăng 48%, xay xát, chế biến lương thực - thực phẩm tăng 12,9%.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến bước đầu, nhưng nhìn chung còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân địa phương, nhất là khu vực quốc doanh và tập thể. Chất lượng hàng hoá còn thấp, chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Hai năm 1989-1990, công nghiệp địa phương tiếp tục giảm sút, chỉ đạt 86% chỉ tiêu giá trị sản lượng, trong đó hàng tiêu dùng đạt 76% kế hoạch. Đến năm 1990, toàn tỉnh có gần 40% xí nghiệp quốc doanh và 60% số hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp bị thua lỗ, trong đó một số đơn vị phải giải thể; đóng góp ngân sách với Nhà nước giảm, số lao động thiếu việc làm ngày một tăng.

Những hạn chế, yếu kém trên là do thị trường thế giới biến động, hàng ngoại nhập chất lượng tốt, giá thành hạ nhờ công nghệ sản xuất hiện đại và trốn lậu thuế hoặc mức thuế thấp... Song, chủ yếu vẫn là công nghiệp địa phương lạc hậu về công nghệ, máy móc cũ kỹ, trình độ tổ chức và quản lý sản xuất hạn chế nên chất lượng sản

phẩm kém, mẫu mã không được cải tiến, giá thành cao. Sự chỉ đạo của chính quyền địa phương còn nhiều lúng túng, chậm tháo gỡ khó khăn và định hướng cho doanh nghiệp nên nhiều cơ sở sản xuất chưa thích ứng kịp với cơ chế mới.

Chương trình sản xuất hàng xuất khẩu và kinh tế đối ngoại có chuyển biến tích cực.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV xác định: Xuất - nhập khẩu và liên kết, liên doanh là một mũi nhọn kinh tế của tỉnh nhằm khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh địa phương. Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Tỉnh uỷ chỉ đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh tiến hành kiện toàn tổ chức bộ máy, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác xuất, nhập khẩu. Chủ động tìm hiểu thị trường, nắm bắt thông tin, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động xuất khẩu. Đề ra những giải pháp đồng bộ, hợp lý trong tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu; có cơ chế, chính sách khuyến khích sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu như: tập trung phát triển cây lạc, đậu, cói, chuối, mơ, vải, nhãn, dứa... khôi phục và phát triển hàng thủ công mỹ nghệ và hàng dệt. Tích cực khai thác, nuôi trồng thủy sản xuất khẩu. Chú trọng quản lý hoạt động thu mua hàng xuất khẩu, tăng cường hình thức ký kết hợp đồng về hỗ trợ vốn, kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm để người lao động yên tâm sản xuất. Quan tâm chỉ đạo ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng hàng hoá nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường. Đồng thời, thực hiện

các biện pháp ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, cửa quyền, phiến hà trong việc thực hiện hợp đồng và thu mua hàng xuất khẩu.

Mặc dù thị trường có biến động lớn, nhất là khu vực I, nhưng do có chủ trương đúng đắn và sự chỉ đạo kịp thời, chương trình sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động kinh tế đối ngoại có bước phát triển vượt bậc. Năm 1990, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu đạt 23,870 triệu rúp-đôla, vượt 10,4% chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra. Trong 5 năm (1986-1990), giá trị xuất khẩu bình quân mỗi năm đạt 20,455 triệu rúp-đôla, tăng 62,8% so với 5 năm (1981-1985). Năm 1989, huyện Lý Nhân là đơn vị có sản lượng hàng hoá xuất khẩu lớn nhất tỉnh: 2.000 tấn đay, hơn 40 tấn long nhãn, 60.000 m² thảm đay, 500 tấn khoai tây, giá trị đạt 65 triệu đồng. Hoạt động xuất khẩu góp phần nhập vật tư, thiết bị và hàng tiêu dùng phục vụ sản xuất, đời sống của địa phương. Cùng với mở rộng hoạt động xuất, nhập khẩu, tỉnh đã tranh thủ các nguồn viện trợ của một số tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ đầu tư vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy vậy, cả khối lượng và tốc độ xuất nhập khẩu còn thấp so với yêu cầu, khả năng của tỉnh; chưa thu hút và phát huy được thế mạnh của từng vùng kinh tế để tạo ra những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, có giá trị kinh tế cao. Công nghiệp chế biến lạc hậu, xuất khẩu nguyên liệu thô còn phổ biến; công tác quản lý còn buông lỏng nên hiệu quả thấp. Thị trường bấp bênh, nhất là thị trường các nước Đông Âu và Liên Xô có những biến động bất lợi cho

chương trình sản xuất hàng xuất khẩu. Việc quản lý và sử dụng ngoại tệ chưa tốt.

Công tác kế hoạch, tài chính, lưu thông phân phối và hoạt động của ngân hàng từng bước đổi mới phù hợp với cơ chế mới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) họp tháng 4-1987 *Về lưu thông phân phối*, quyết định bỏ chính sách hai giá, thực hiện “bốn giảm”, tiếp tục xoá bỏ tình trạng “ngăn sông, cấm chợ”, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) họp tháng 8-1987, quyết định chuyển hoạt động của các đơn vị công nghiệp quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế, thực hiện tự chủ trong kinh doanh. Thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chuyển từ kế hoạch pháp lệnh sang kế hoạch hướng dẫn là chủ yếu; mở rộng phân cấp cho cơ sở quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, quyền chủ động tài chính, gắn trách nhiệm với quyền lợi của người lao động. Cơ chế quản lý mới bước đầu đi vào cuộc sống, tổ chức bộ máy được sắp xếp lại, phương thức sản xuất kinh doanh gắn với thị trường, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn; các hiện tượng tiêu cực trong quản lý giảm đáng kể.

Thực hiện thống nhất cơ chế một giá đối với vật tư và hàng tiêu dùng, thực hiện tự do lưu thông hàng hoá đã gắn sản xuất kinh doanh với thị trường, giảm hẳn việc cấp vốn ngân sách và bù giá; hạn chế tình trạng tích trữ vật tư, hàng hoá và lợi dụng chênh lệch giá.

Toàn tỉnh triển khai thực hiện chính sách thuế mới; mở rộng hình thức khoán thu, khoán chi, với phương châm đẩy mạnh khai thác, động viên thêm các nguồn thu ngân sách và thực hiện triệt để tiết kiệm chi. Trong những năm (1986-1990), tổng thu ngân sách tăng cao, từ 1.979 triệu đồng năm 1986, tăng lên 93.953 triệu đồng năm 1990.

Căn cứ Quyết định số 218/HĐBT, ngày 03-7-1987 của Hội đồng Bộ trưởng, Tỉnh uỷ chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hà Nam Ninh xây dựng Đề án chuyển hoạt động ngân hàng sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Hệ thống ngân hàng được tổ chức lại theo đúng chức năng quản lý Nhà nước và chuyên doanh. Hệ thống ngân hàng thương mại mở rộng đầu tư tín dụng, tăng lãi suất tiền gửi tiết kiệm góp phần tăng vốn tiền mặt, từng bước khắc phục tình trạng mất cân đối tiền mặt, góp phần tích cực chống lạm phát làm cho tình hình kinh tế năm 1989 và 1990 từng bước ổn định.

Chương trình dân số và lao động có chuyển biến mới. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, nêu rõ: “cùng với đẩy mạnh sản xuất, vấn đề phân bố lại dân cư, thực hiện kế hoạch hoá gia đình, hạ thấp tỷ lệ tăng dân số là một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược”⁽¹⁾. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình được các cấp uỷ Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân chú trọng. Uỷ ban nhân dân tỉnh tiến hành củng cố hoạt động của Uỷ

(1). Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ IV, tr. 66.